

**KINH KIM CƯƠNG
BÁT NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
LUẬN GIẢI**

Lời nói đầu:

Bộ kinh Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa là bộ kinh được xem là rất mực thâm sâu – hơn thế, đó là bộ kinh “ *mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật* ” .

Một khi đã là *đệ nhất Ba La Mật* – của hệ Bát Nhã (trí tuệ) – thì kinh Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa sẽ phải chứa đựng toàn diện nhất về những vấn đề cốt lõi và cơ bản của hệ tư tưởng Thích Ca Mâu Ni.

Việc nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi về tư tưởng của đức Thế Tôn sẽ cứ phải dành cho nhiều thế hệ nối tiếp. Bởi, mỗi thế hệ đều thuộc về bối cảnh xã hội, nền văn hóa, nền văn minh có rất nhiều thay đổi – đặc biệt, theo dòng chảy thời gian, những khái niệm, ngôn ngữ luôn luôn khoác bộ cánh mới ... Hiện đại hóa tư tưởng của đức Như Lai là điều rất nên làm. Nói là hiện đại hóa tư tưởng của đức Thế Tôn – điều đó không có nghĩa – và không được phép – làm thay đổi, làm biến dạng các tư tưởng của Ngài. Đó chỉ là công việc: làm sáng tỏ tư tưởng của ngài thông qua những khái niệm, ngôn ngữ và cung cách diễn đạt mang tính thời đại.

Cho dù chỉ là kẻ hậu bối, hậu học, trí tuệ hiểu biết về kinh tựa như lớp bèo trên sông nước – và biết rằng công việc dùng hơi thở thời đại để chuyên chở tư tưởng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là việc làm không phải là dễ dàng ... song, người viết vẫn cứ liều lĩnh xông mình vào công việc quá sức này . Sự kém cỏi là điều hiển nhiên, xin cúi đầu mong nhận những lời chỉ dạy.

Dẫn nhập:

Khi dịch bộ kinh này, thiền sư Thích Nhất Hạnh dung đại từ nhân xưng là *Bụt* thay cho đại từ nhân xưng: đức Phật. Hình ảnh ông Bụt trong dân gian Việt Nam có lúc khiến người ta ngộ nhận là một vị khác – ngoài Phật. Để giúp người mới tiếp cận kinh không bị chia trí, không còn chút vướng mắc nào trong việc đọc, tụng kinh này, người viết chỉnh lại, kính mong thiền sư mở rộng lòng tha thứ.

Người viết có lúc dùng: đức Phật, đức Như Lai, đức Thế Tôn – tất cả đều là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật có nghĩa là đấng giác ngộ hoàn toàn ; đức Thế Tôn có nghĩa là bậc tôn quý nhất trong thế gian và ngoài thế gian ; đức Như Lai có nghĩa là: tự thể Thập thân chẳng động chẳng dời là "Như". Trí quang chiếu khắp bi tâm độ sanh là "Lai". Toàn thể như như bất động, tùy duyên đến hóa độ trong muôn loài, đến trong muôn loài, mà vẫn như như bất động nên gọi là Như Lai (*nhà sư Thích Huệ Hưng*).

Cách thể hiện kinh Phật rất thường hay lập đi lập lại một đoạn kinh nào đó – hình thức nghệ thuật cổ này sẽ không được đi sâu phân tích – để dành sự tập trung đi sâu vào nội dung của kinh. Bởi có nhiều đoạn kinh được lập đi lập lại nên hình thức luận giải sẽ được chọn theo từng chủ đề. Các chủ đề gồm: **1. Thực tướng các đạo quả 2. Thực tướng Bồ thí và phước đức 3. Thực tướng pháp Phật 4. Thực tướng đức Như Lai 5. Thực tướng kinh Kim Cương Bát Nhã Ba-la-mật-Đa**

Để đỡ rỗi cho người tiếp cận, một số chi tiết nếu không liên quan đến nội dung, sẽ không được chú thích – người đọc có thể tự tra cứu thêm. Một số khái niệm, thuật ngữ đã giải thích ở các phần trước xin được phép không chú thích trong phần này.

Mở đầu kinh:

Phần mở đầu kinh này cho biết: bối cảnh kinh ra đời: tại tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ, có một ngàn hai trăm năm mươi vị khất sĩ tham dự (đây là những vị Bồ Tát xuất gia). Hôm ấy, đức Phật có buổi thuyết pháp sau khi đi khất thực về. Người đại diện để đức Phật hỏi và sau đó đáp lại là Ngài Tu Bồ Đề – một trong mười đại đệ tử của đức Phật. Theo nhà sư Thích Huệ Hưng chú thích trong bộ kinh Duy Ma Cát, Tu Bồ Đề có nghĩa: “*Bực Đại A La Hán tổ ngộ lý chơn không, bực nứt trong hàng Thanh Văn*” (Có ba giới tu Phật, gọi là ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát).

Thượng tọa Tu Bồ Đề nêu vấn đề lần thứ nhất: “ *Những người con trai hiền và những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm mình ?*”

Và sau đó, trong kinh được lập lại lần thứ hai: “*Thế Tôn, con xin phép được hỏi lại: người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên dựa vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?*”

1. THỰC TƯỚNG CÁC ĐẠO QUẢ

Luận giải:

Điều phục tâm: là làm cho tâm hiền ra, ngộ ra ; *hàng phục tâm:* là làm cho tâm nghe theo, làm theo.

Từ *hiền* mà thiền sư Thích Nhất Hạnh chọn dịch ở đây xem ra rất mềm mại, rất uyển chuyển. Có thể hình dung ra: Đó là những người trẻ, tốt, dễ thương – và có được tính giác ngộ Phật. Những người trẻ

này vốn dĩ luôn mang những hoài bão rất lớn lao. Tuy nhiên đằng sau những hoài bão lớn lao ấy thường lại có những khát vọng khác ...

Vấn đề của Ngài Tu Bồ Đề đặt ra ở đây có thể hiểu là: Có *Những người con trai hiền và những người con gái hiền* với lòng mong muốn phát tâm tu đạt đạo quả cao nhất, đó là: *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* thì phải dùng cách gì để giúp họ ngộ ra ước muốn ấy (của họ) là như thế nào ?

Cách chọn *Những người con trai hiền và những người con gái hiền* để đặt vấn đề, tựa như: đây là vấn đề của hàng “trẻ người non dạ”, song kỳ thực, đó lại là vấn đề trọng yếu và mang tính hết sức cơ bản của nhiều người – đặc biệt là giới Bồ Tát tại gia (*những người con trai hiền và những người con gái hiền*) và Bồ Tát xuất gia (*khất sĩ*).

Trong “*Tâm kinh Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa*” có đoạn: “*Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát-nhã Ba-la-mật-đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”.

Như đã trình bày, đoạn kinh này có nghĩa: Các chư Phật *quá khứ ; hiện tại ; vị lai cũng đều phải nương nhờ Bát-nhã Ba-la-mật-đa* để từ đó mà đạt được đạo quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*.

Như vậy những “đại nhân” trẻ này muốn tu đạt ngay đạo quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* để hóa độ tất cả chúng sanh – với ước muốn được giống như đức Như Lai vậy.

Thoạt tiên, tưởng chừng như đây là một ước muốn chính đáng – cho dù có mang chút “nông nổi”.

Đức Như Lai nhận biết rất sâu cốt lõi vấn đề đặt ra là gì. Thôi thì, Ngài đã chỉ cách để đạt được “thành công mỹ mãn” như ý mong muốn vậy:

“ *Đưa tất cả các loài ấy (tất tần tật các loài chúng sanh) các vào Niết Bàn tuyệt đối để tất cả đều được giải thoát.*

Cả hai lần đức Như Lai trả lời giống hệt nhau.

Đức Như lai đã từng chỉ dạy phương pháp *đối trị*. Ở đây cũng là cách thể hiện phương pháp ấy một cách rất tế nhị và nhuần nhuyễn. Với sự tạm gọi là “nông nổi” như trên, thì đối lại nó cũng phải là sự “nông nổi” – nhưng, trái chiều:

Sự trả lời của đức Phật có thể được xem với ngụ ý là: Nếu “tất tần tật các loài chúng sanh ấy” được giải thoát thì đạt ngay đạo quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* (việc đó có khó gì ?!).

Thế nhưng: *Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sanh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sanh nào được giải thoát.*

Điều đó là rất hãn nhiên, chúng sanh nào mà được giải thoát như vậy ?!

Ở đây cần nhận ra một vấn đề rất lớn, được chôn kín rất sâu trong bối cảnh “mở màn” của bộ kinh, đó là : liệu rằng có phải: ý nghĩa tu Phật : để khi thành Phật rồi, là có được một quyền lực rất lớn nhằm ban phát, ban ơn ?

Để rõ hơn vấn đề này, hãy đặt vấn đề nhỏ: Nếu không ham muốn chứng tỏ cái *Ngã*, cái *Nhân* của mình thì “nhắm” cái đạo quả cao tốt ấy làm gì ? Tựa như: nếu không có ham muốn riêng của mình thì nhắm lấy cái bằng Tiến sĩ để làm gì (nếu ra ngoài sự hưởng vào kiến thức nó mang lại) ?

Như vậy, vừa chạm vào kinh, đã gặp ngay tiếng “sấm sét” kinh hoàng, làm rúng động giới tu rồi.

Khi tu thành Phật rồi, đạt đạo quả cao tốt *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* – với quyền năng thần thông vô tận vô biên thì có thể làm bất kỳ những gì “mình muốn” ?

Như trong phần trước đã trình bày, xin lập lại: Đức Như Lai và các chư Phật nếu dùng Pháp thần thông của mình để biến chúng sinh từ một *chất* này sang *chất* khác – tức là *sanh* ra, tạo ra. Một khi có *sanh* thì phải có *diệt*. Tạo ra một “*chất chúng sanh*”, sau đó “*chất chúng sanh*” ấy bị *diệt* – có nghĩa, *chất* mới ấy rồi cũng bị mất đi, lại trở về nguyên trạng – thì việc làm ấy – nếu có – với ý nghĩa gì ? Nhằm chứng minh điều gì ?

Đức Thế Tôn chưa bao giờ – và không bao giờ là đáng khai sanh. Như vậy, cũng không có gì gọi là bệ trên để ban phát. Sự hóa độ chúng sanh của ngài – chỉ với tích cách : đó là sự hóa độ của một vị Phật với một “vị” chưa là Phật ; đó là sự hóa độ của một vị Phật với một “vị” đang trên đường đi đến Phật.

Trở lại kinh, đức Thế Tôn đã ôn tồn giảng giải:

Vì sao? Nay Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực (lần thứ hai là một vị Bồ Tát chân thật). Ở lần thứ hai này, đức Thế Tôn đã phát triển giảng giải của mình thêm một chút:

Tu Bồ Đề, thật ra chẳng có pháp gì riêng biệt gọi là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác để mà phát ra cả (...).

Giải thích khái niệm:

Ngã ở đây là định kiến ; từ ý thức chủ quan đóng khung cố định cho đối tượng nào đó mà ý thức hướng tới. *Nhân* ở đây là con người nói chung và cũng là cái tôi vị kỷ của mình. *Thọ giả* có hai nghĩa (?): 1. “thụ giả”; đó là cảm giác, cảm thụ 2. là *thọ mạng* . *Chúng sanh* là chỉ tất cả các loài như trong kinh đã đề cập – trong đó có loài người.

Luận giải:

Một khi nghĩ về chúng sanh mà còn vương bận bởi đó là chúng sanh – thì trong sâu thẳm suy nghĩ ấy vẫn còn sự phân biệt cao thấp – trên dưới – sang hèn v.v... Chỉ có sự phân biệt cao thấp mới nảy sinh thái độ, suy nghĩ ban phát, ban ơn như đã đề cập.

Và, cứ loay hoay mãi với những thứ như thế (*Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả*) thì đó chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực. Chưa phải là vị Bồ Tát đích thực thì đến bao giờ mới thành Phật ? Chưa thành Phật thì đến bao giờ mới đạt đạo quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* ?

Vậy đạo quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* là gì ? Thực tướng như thế nào ?

Trước hết hãy xem đức Phật hỏi Ngài Tu Bồ Đề về những quả đạo khác:

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tu Đà Hoàn có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tư Đà Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tư Đà Hàm' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A Na Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A Na Hàm' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A La Hán có thể nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A La Hán' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không."

Vì sao không ? Ngài Tu Bồ Đề giải thích:

+ *Tu Đà Hoàn có nghĩa là đi vào dòng mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng"*

+ *Tư Đà Hàm có nghĩa là một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại. Vì vậy cho nên gọi là Tư Đà Hàm."*

+ *A Na Hàm có nghĩa là không trở lại. Mà thật ra làm gì có sự không trở lại? Vì vậy cho nên gọi là A Na Hàm."*

+ *Thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn, nếu một vị A La Hán nào khởi niệm rằng 'ta đã đắc quả A La Hán' thì vị đó còn chấp vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô Trách Tam Muội và trong Tăng Thân, con là vị A La Hán ly dục đệ nhất. Thế*

Tôn, nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A La Hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Na."

Luận giải:

Tất cả những đạo quả chỉ là tên gọi. Sở dĩ có những tên gọi ấy là vì sự thực chứng (chứng đắc) của mỗi người có khác nhau.

Tu Đà Hoàn là mức chỉ người đã rời bỏ được *sáu trần*. Có nghĩa đã đạt đến mức: rời bỏ được sự tính toán, đánh giá, phân biệt ...

Tuy nhiên, triết lý thâm sâu của đức Như Lai chỉ ra là: chỉ một ý nghĩ : mình đã rời bỏ được *sáu trần* – thì ngay lập tức *sáu trần* sẽ lại hiện diện. Vì sao ? vì khái niệm *sáu trần* ấy chưa dứt. Vì *sáu trần* nó còn – nên mới xảy ra việc bỏ rời xa. Nếu *sáu trần* không còn – thì việc rời bỏ nó là chuyện ... vô duyên, lãng nhách. Vì vậy mà : *Một vị Tu Đà Hoàn không bao giờ nghĩ rằng: Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn* . Vì sao ? Vì trong tánh không – không có chứng đắc (đã trình bày).

Với *Tu Đà Hàm, A Na Hàm* cũng như thế.

Khi trả lời về quả đạo A La Hán, thì Ngài Tu Bồ Đề phát triển thêm ý: *Không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán* . Ý này nói một cách đầy đủ là: không có một pháp nào riêng biệt để hướng dẫn, đào tạo, chuyên luyện ... nhằm đạt bất cứ một đạo quả nào. Bất kỳ một quả đạo nào đều là sự tích lũy từ quá trình hành trì tu tập của muôn vàn ức kiếp. Quả đạo, thực chất đó là *chất*. Khái niệm *chất* này mới phát sinh sau này, đây là khái niệm gần gũi dễ hiểu hơn. Một khi nói đến *chất người* thì sẽ nhận ra ngay rằng: không có chuẩn mực nào xem xét cụ thể bằng những giác quan con người được – ngoại trừ đạt đến trí tuệ Ba-la-mật-đa – với sáu công cụ hỗ trợ thần thông (lục thông, đã trình bày).

Vì vậy, Ngài Tu Bồ Đề trả lời là: không, không, không và không . Thực tướng của các đạo quả là Không. Nhưng, nên nhớ rằng: đó cũng không phải là không. Vì chẳng là không nên bận tâm, vương vী vào đó nữa để làm gì ? Để hãnh tiên ư ?

Với quả đạo *Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* đã đề cập ở trên:

(...) Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không? (...)

Thầy Tu Bồ Đề thưa: "Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác (...)

Đến đây có lẽ đã rõ rồi: Làm gì có pháp chuyên biệt, chuyên luyện, chuyên tu nào để “tốt nghiệp” với đạo quả *Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* cao tột như thế. Không có pháp *Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* nhưng đạo quả *Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* thì

không thể chối bần. Hẳn nhiên, thực tướng của đạo quả cao tốt này cũng là Không.

2. THỰC TƯỚNG BỐ THÍ VÀ CÔNG ĐỨC

Bố thí và công đức là những vấn đề quá thiết yếu – không phải chỉ dành cho những nhà tu hành – mà dành cho tất cả mọi người. Đó là sự thể hiện *chất người* cao nhất. Nếu như ở loài cấp thấp, chủ yếu là sự tranh giành – theo cơ chế mạnh được yếu thua – thì bước lên một bước cao hơn, con người đã biết chia xẻ, lấy “lá lành đùm lá rách”. Đó là một trong những nét đặc trưng, rất riêng biệt giữa con người và loài súc sinh. Vì Bố thí là việc làm giàu *chất người* (công đức), cho nên đó là vấn đề được đặt ra như một đòi hỏi đối với người tu hành. Bố thí là một trong các *hạnh* của Bồ tát.

Không chỉ là sự thiết yếu, căn cơ như trên, Bồ thí còn là công việc vô cùng phức tạp nên trong bộ kinh này đã dành rất nhiều đoạn để đề cập đến pháp Bố thí. Có thể phân ra làm các tiểu chủ đề như sau: 1. *Không dựa vào đâu* ; 2. *Thực thể phước đức*; 3. *Bố thí không dựa vào pháp*; 4. *Pháp thí là hằng hà châu báu ...*

Cần biết thêm:

Bồ Tát tu tại gia có các *hạnh* cần phải giữ là: *Giữ giới* ; *Bố thí* ; *Nhẫn nhục* ; *Tinh tấn* ; *Thiền định* và *Trí tuệ*.

Bồ Tát có ba bậc: bậc một, là những Bồ Tát mới phát tâm ; bậc hai: Bồ Tát tu lâu ; bậc ba: Bồ Tát Bồ xứ, đó là Bồ Tát cận kề đức Phật – như Bồ Tát Di Lặc, sẽ thay đức Thế Tôn để giáo hóa chúng sanh khi pháp của ngài đã *diệt tận* (mất hẳn).

Thí có ba cách: Tài thí : là dùng của cải bố thí cho người; Tâm thí : dùng tâm từ, tâm bình đẳng ban sự vui cho người ; Pháp thí : nói pháp độ người làm những việc lợi ích chúng sanh hiện tại và vị lai.

1.2 Không dựa vào đâu

Đức Phật nói (1): *Này nữa, thầy Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát thực hiện phép bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí.*

Rồi đức Phật nói (2): *Nếu Bồ Tát bố thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn.*

Rồi đức Phật nói (3): *Nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được.*

Rồi đức Phật nói (4): *Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát không cần phải tom góp phước đức.*

Tu Bồ Đề bạch đức Phật: "Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao?"

Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.

Luận giải:

Chỉ ở tiêu chủ đề tạm lấy tên gọi *Không dựa vào đâu* này có bốn lần được đề cập đến. Có thể chia ra các ý nhỏ:

+ *Bố thí không dựa vào tướng:*

Không dựa vào tướng có nghĩa là không dựa vào *sáu căn* và *sáu trần* của mình trong đó *sáu trần* mang đậm tính chủ quan của mỗi người. Như đã trình bày, chỉ xin nhắc sơ lược lại: qua *sáu căn*: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc *sáu trần*: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tạo ra ý thức riêng biệt của mỗi người. Nếu như sự *Bố thí* dựa vào tướng, có nghĩa dựa vào những thứ *giả tạm* – thì việc *Bố thí* sao mà thật có ?

Ví như: một người *bố thí* cho ai đó một số tiền, dựa vào *thanh*: Nghe người ấy kể lễ thống thiết về sự khốn khó của mình. Nghe câu chuyện, thấy mũi lòng, thấy thương hại. Vì mũi lòng, vì thấy thương hại nên ra tay giúp đỡ... Sự giúp đỡ ấy dựa vào tất cả những điều đều không thật có. Vì vậy, giả như, sau khi giúp đỡ, thấy người đó ngồi trong sòng bài thì sao ? Lập tức sân hận ùng ùng nổi lên ... Tại sao sân hận lại nổi lên ? Bởi, việc *Bố thí* kia có thật đâu. Bởi việc *bố thí* kia không phải là *Bố thí* – đó chỉ là mượn danh, là giả dối . Sao có thể gọi đó là *giả danh*, là *giả dối* – vậy thực chất việc *bố thí* ấy là gì ? Đó là ... một “hợp đồng”, một “thỏa thuận”, một “cam kết”. Sự *hợp đồng*, *thỏa thuận*, *cam kết* ấy là: vì anh (chị) khổ nên tôi giúp đỡ. Tôi giúp đỡ để anh chị phải làm: a) thế này ; b) thế nọ ... vì người kia vì phạp các điều khoản nên ... tức ... đến chết đi được.

Lại ví như: một người *bố thí* cho ai đó một số tiền, dựa vào *sắc*. Chẳng hạn, thấy người đứng trước cổng mặc áo nhà tu, cho đó là những vị tu ở trong chùa. *Bố thí* cho những nhà tu hành thì là một việc hết sức nên làm, chân chừ gì nữa ... Rồi lại giả như, biết được người đó *giả danh*, *sân hận* ùng ùng nổi lên ...

Bồ thí dựa vào *huong, vị, xúc, pháp* cũng như thế. Việc Bồ thí dựa vào những điều là giả tạm, không thật có thì sự Bồ thí ấy cũng là giả tạm, không thật có.

Vì vậy, *nếu Bồ Tát bố thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn ; nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được.*

Bồ tát Bồ thí không nương vào đâu là thế nào ?

Trở lại ví dụ đầu tiên, và cho rằng người được giúp đỡ ấy là khôn khéo thật sự – và sự giúp đỡ ấy là đúng người, đúng nghĩa. Khi đó nảy sinh ra một vấn đề khác, phức tạp và rối rắm hơn rất nhiều: người được giúp đỡ ấy là người phải chịu ơn và phải trả ơn. Để một người phải canh cánh, nặng lòng mang ơn và, thậm chí “nhắm mắt không yên” – khi chưa trả được món nợ ấy – thì liệu rằng đó có phải là Bồ thí ? *Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả (cho dù là quả lành)*. Bồ tát là người đã giác ngộ tính Phật – nên hiểu rất rõ: gieo nhân gì gặt hái quả nấy. Nếu việc Bồ thí như trường hợp dẫn dụ trên – không khéo sẽ trở thành việc gặt hái phước báo “hữu lậu”. Có nghĩa, mối quan hệ nhân quả tiếp diễn trùng trùng là không thể tránh khỏi. Để những mối quan hệ nhân quả kiểu như vậy, trùng trùng xảy ra, thì đến bao giờ mới đạt được cứu cánh Niết Bàn ?

Như vậy, muốn thực hiện *không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí* thì trước hết phải không để bị vướng vào hệ lụy nhân-quả . Một số người chọn cách: “dấu tên” khi thực hiện pháp Bồ thí. Tuy nhiên, đó mới chỉ là hình thức (nhiều trường hợp không thể dấu tên được) – chưa phải là đã thể hiện tinh thần *không nương vào đâu* của triết lý nhà Phật. *Không nương vào đâu* – ngoài việc không nương dựa vào tướng – đó còn là sự soi rọi để nhận biết ra tánh không của nó . Thực thể này bản chất của nó là Không – vì vậy các việc làm của thực thể này – xét về bản chất, hẳn nhiên cũng là không. Khi đã soi rọi nhận biết được tánh không của nó – khi đó sẽ có “một ngàn lẻ một” hình thức phù hợp khiến người được giúp đỡ không phải nặng lòng.

Không, nhưng cũng chẳng phải là không – nên một Bồ tát – không thể rời xa pháp Bồ thí được.

Bồ thí và Phước đức là hệ quả hiển nhiên của nhau, không tách rời nhau, không có cái này thì không có cái kia. Bồ thí để có phước đức, ngược lại muốn có phước đức thì phải bố thí. Nếu nói Bồ thí là quá thiết yếu – bởi Phước đức là quá thiết yếu. Phước đức có thể xem là một trong những yếu tố quan trọng của *chất người*.

Ví như: Có một người, gom góp tất cả tài sản của mình chỉ có một đồng – để vừa đủ mua ổ bánh mì cho buổi trưa – đi ngang ngôi chùa, đem tất cả tài sản ấy cúng dường Tam Bảo, chấp nhận cái đói. Cùng lúc ấy, một người nhà giàu cũng cúng dường Tam Bảo một triệu đồng. Phải chăng phước đức của người nhà giàu kia nhiều hơn gấp một triệu lần của người đang ôm bụng đói ?

Nhưng rồi lại nói: Phước đức của người nhà giàu kia nhiều chất ngất không sao kể xiết, còn phước đức người đang ôm bụng đói kia không đáng một xu. Nói như vậy có đúng không ? Bởi người nhà giàu kia không may mắn nghĩ ngợi gì việc đã làm. Còn người ôm bụng đói kia, khi cúng dường Tam Bảo đã nghĩ rằng: “Mình chỉ còn có đúng một đồng, vừa mua ổ bánh mì, thà chịu đói một chút, đem cúng dường Tam Bảo, chư Phật nào mà không thương ... nhờ vậy, các Ngài sẽ giúp qua cơn khổ ... “.

Cũng cần biết thêm: Cúng dường có 2 cách: 1. Tài cúng dường : cúng bằng tiền, vật, công sức . 2. Pháp cúng dường. nghe, tin, hiểu và thực hành theo những lời giáo hóa của đức Phật.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trong các cách cúng dường chư Phật, Pháp cúng dường là hơn tất cả". (Nhà sư Thích Huệ Hưng)

Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nổi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát không cần phải tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Bụt: "Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao?"

Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.

Tại sao đức Như Lai lại đề cập vấn đề: *các pháp đều là vô ngã* (mọi sự vật và hiện tượng luôn vận động và biến đổi – Marx) ở đây ? Bởi, người cúng dường một đồng kia có thể là tạo cho mình một phước đức nhiều không sao kể xiết, song phước đức của người ấy cũng có thể là không đáng một xu. Với người nhà giàu kia cũng vậy. Sự vận động và biến đổi ấy quả là vượt sức tưởng tượng. Cho nên, đức Như Lai chỉ ra rằng: hiểu về sự vận động và biến đổi ấy mới là công đức

lớn hơn hết thảy. Vì sao ? Vì một khi hiểu được chân lý ấy thì phước đức tạo ra mới thật sự là có được nhiều – bằng không, đồ của cải vật chất như núi ra ... cũng chỉ là ... sự *tom góp phước đức* (nhặt nhạnh vật vãnh) vốn để dành cho người chưa hiểu .

Vì vậy đức Phật dạy rằng: *Bồ tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.*

2.2 Thực thể Phước đức

Đức Phật nói: *Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem châu báu nhiều cho đến nỗi phải chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên mà bố thí thì người đó có được nhiều phước đức hay không?"*

Bạch Thế Tôn, được phước đức rất nhiều.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức. Chính vì phước đức ấy vốn không có thực thể cho nên Như Lai mới nói người ấy đạt được phước đức nhiều.

Luận giải:

Khi đức Như Lai nói: *phước đức nhiều* có nghĩa: Đức Như Lai nói về cái không có thực thể – tức nói về chất của nó. Chất ấy là không hình không tướng – nhưng chẳng phải là không. Cái chẳng phải là không này được nhận biết bởi trí tuệ Ba-la-mật-đa – như đã trình bày khá nhiều lần trong sách này.

Nếu như chỉ là số châu báu cân, đong, đo, đếm được (thực thể) thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức.

3.2 Bồ thí không dựa vào pháp

Đức Phật nói: *Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ Tát không dựa vào pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được mọi hình và mọi sắc.*

Luận giải:

Pháp ở đây là một trong sáu trần. Như đã giải thích, nghĩa của nó là: nhận định, đánh giá, tính toán, phân tích. Ở đây, nếu bắt gặp một quan điểm khác, ví như cho rằng Pháp ở đây có nghĩa là cách thức. hoặc đơn giản đó chỉ là phương pháp – thì: cách thức hay phương pháp đều chứa đựng những đặc tính là: sắp xếp, cắt đặt, tính toán ...

Như vậy, nếu còn dựa vào sự nhận định, đánh giá, sắp xếp, cắt đặt, tính toán ... để bố thí thì như đi vào trong bóng tối.

Tại sao ? Trước hết phải thấy rằng : Nếu như không dựa vào những nhân định, đánh giá, sắp xếp, cắt đặt, tính toán ... thì không thể thực hiện được Bồ thí.

Ví như: Một hôm có dịp đi viếng cảnh chùa, đến nơi nảy ý phát tâm cùng đường, kiểm tra lại túi tiền, nhằm tính: tiền đồ xăng để đi về, rồi tiền tiền nợ, tiền kia ... cuối cùng, cúng dường “chùng này” là được. Phải có sự cắt đặt, tính toán, sắp xếp như thế. Không thể khác.

Song, vấn đề là: còn dựa. Có nghĩa, trên đường về rồi, đã cúng dường xong rồi, mà vẫn cứ còn dựa – tức là vẫn cứ còn bám vào, bầu víu vào việc bồ thí đã qua ấy – vẫn còn bám vào, bầu víu vào nên còn vướng mắc vào nó, còn phải nghĩ ngợi, phân vân, so đo tính toán ... vì vậy mà trở thành tom góp. Còn tom góp là còn chưa hiểu. Còn chưa hiểu là còn đi vào trong bóng tối chưa thể được đi trong ánh mặt trời.

Trong kinh Phật rất thường hay gặp khái niệm mang tính then chốt, đó là: vướng, mắc, kẹt, cột chặt ...

Vậy vướng, mắc, kẹt, cột chặt ... ấy là thế nào, tại sao ?

Pháp (ở đây hiểu ngắn gọn là phương pháp), đó là phương tiện (một cách thức thuận lợi và tiện dùng). Cứu cánh, đó là mục đích cao nhất nhắm đến. Mọi phương tiện được sử dụng là nhằm đạt đến cứu cánh nhất định nào đó. Vì vậy, vô tình hay hữu ý, xem, hoặc lấy ... phương tiện là cứu cánh – thì có nghĩa đã đạt được mục tiêu tối thượng ấy rồi. Một khi đã đạt được mục tiêu tối thượng nhắm đến thì dừng lại, không thể tiến lên, tiến xa hơn nữa được. Có vùng vẫy cách nào chẳng nữa thì cũng không thể thoát ra được, vì vậy mà vướng, mắc, kẹt, cột chặt ... Nếu như đã bị vướng, mắc, kẹt, cột chặt ... thì phải tìm đầu mối ở đâu để tháo bỏ dần nó ra ...

Ở trên, nếu như Bồ Tát còn dựa – như một đứa trẻ con bám lấy mẹ, – không dứt bỏ được cái phương tiện ấy – có nghĩa chỉ trông cậy vào nó – như vậy là đã bị vướng, mắc, kẹt, cột chặt ... rồi.

Phải tự hỏi là: cứu cánh ở đây là gì ? (Mục tiêu tối thượng nhắm đến ở đây là gì ?). Trả lời: Phước đức. Vậy cứu cánh ấy đã đạt chưa ? Trả lời: đạt rồi .

Có nghĩa : Phước đức đã có rồi. Phước đức đã có thì thôi – sao lại quay trở về phương tiện (còn dựa) ? Quay để làm gì ? Để khoe khoang chẳng ? Để hơn thua chẳng ? Để hỏi tiếc chẳng ? Để đắm chìm trong nỗi niềm sung sướng hạnh phúc giả tạo – khi được người khác tung hô, khen ngợi chẳng ? Sự biến của Phước đức theo đó mà hóa. Chính sự thiếu hiểu biết (vô minh) là gốc rễ, là ngọn nguồn, là khởi nguyên của mọi sự. Chính sự hiểu biết (ở đây là sự hiểu thấu chân lý) – mới nhiều hơn bày thứ châu báu chất đầy cả các thế giới.

Một khi: Dựa vào việc Bồ thí để mưu cầu việc riêng – như ví dụ của một người ôm bụng đói để cúng dường “cả gia tài” thì việc Bồ thí không còn chút nào ý nghĩa.

Châu báu, của cải vật chất ... là những gì con người hằng đi tìm ; châu báu, của cải vật chất ... là những gì con người hằng đánh đổi – đánh đổi bằng muôn vàn ỨC KIẾP trong khổ lụy. Những của cải vật chất, châu báu ấy có sẵn ở trong mỗi người – vì chưa hiểu nên chưa thấy ; vì chưa thấy nên cứ mãi đi tìm, mãi đánh đổi ...

Đó cũng là một trong những tư tưởng của đức Thế Tôn ở trong bộ kinh này.

4.2

Pháp thí là hằng hà châu báu

Đức Phật nói (1): *Này thầy Tu Bồ Đề, ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thầy nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?*

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, lớn lắm. Vì sao? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn."

Thầy Tu Bồ Đề, ví dụ trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy."

Này Tu Bồ Đề, bây giờ tôi muốn hỏi thật thầy rằng, nếu có người con trai hay người con gái nhà lành nào đem châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nếu người con trai hay người con gái nhà lành nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước."

Rồi đức Phật nói (2): *Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố thí, và nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước.*

Rồi đức Phật nói (3): *Này thầy Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào buổi sáng đem thân mạng mình ra nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng vậy, trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp, và nếu có một kẻ khác tuy không làm như thế, nhưng khi nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia. Nghe mà đem lòng tin còn có phước đức lớn như vậy, huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe.*

Rồi đức Phật nói (4): *Tu Bồ Đề, giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đống cao như tất cả các núi Tu Di trong thế giới tam thiên đại thiên này để mà bố thí thì công đức của những người ấy đem so với công đức của những người đọc, tụng và thọ trì Kinh Kim Cương Năng Đoạn này rồi đem ra giảng nói cho người khác nghe thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một. Phước đức của người hành trì kinh, dù chỉ là hành trì một bài kệ bốn câu, cũng không thể nào dùng ví dụ hay toán học để mà diễn tả nổi.*

Và rồi đức Phật nói (5): *Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ châu báu số lượng lớn đến nỗi chứa đầy các thế giới nhiều tới vô lượng a tăng kỳ để bố thí thì phước đức cũng không bằng phước đức của một người con trai hay một người con gái nhà lành khi người này phát tâm bồ đề, đọc tụng thọ trì kinh này và đem giải thuyết cho người khác nghe, dù chỉ là một bài kệ bốn câu trong ấy. Giải thuyết theo tinh thần nào? Giải thuyết mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển.*

Vì sao thế?

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng huyễn bào ảnh

Như sương như chớp loè

Hãy quán chiếu như thế.

Luận giải:

Chỉ có một vấn đề thôi, mà đã phải dùng nhiều đoạn kinh dài như thế để đề cập. Vấn đề đó là: dùng Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa sẽ như thế nào ?

Trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa phần này lại là phần dễ hiểu nhất. Dễ hiểu nhất, nhưng lại được lặp đi lặp lại nhiều lần như

thể bởi nội dung của nó là đặt biệt thiết yếu – nếu như không muốn nói là thiết yếu vào hàng bậc nhất.

Sao lại như vậy ? Rất đơn giản: mọi lý thuyết của đức Phật không phải dùng ở lý thuyết. Đức Phật không có một lý thuyết nào cả. Đức Phật không đưa ra – cho dù đã “đưa ra” một kho kinh sách đồ sộ, khổng lồ chỉ nhằm trình bày triết lý hết sức vi diệu thâm sâu với tính cách là một lý thuyết.

Tất cả, cuối cùng để nhằm thực hành kiên trì (*hành trì*). Hành trì để được thực chứng. Thực chứng để được chân lý. Chân lý mới là thứ cuối cùng mà con người muôn bao đời đi tìm. Chân lý đó là lẽ thật – lẽ thật ấy dành cho tất cả mọi vấn đề của vạn vật, của khắp tất cả vũ trụ rộng lớn bao la này.

Con người vì chưa biết đến lẽ thật của chân lý nên cứ phải hoài nghi, mò mẫm dò tìm trong đêm tối. Những thứ mò mẫm, dò tìm trong đêm tối mà con người sờ được chỉ là những điều phiến diện, giả tạo, chưa đầy đủ, chưa thật sự. Vì sự nhận biết chỉ thông qua cách sờ soạng như thế nên loài người là cả một khối mâu thuẫn. Mỗi một đời người là một đời mâu thuẫn.

Xin nhắc lại: khái niệm nhiều mà đức Phật nói thuộc về không hình thể – tức là *chất*. Với nhà kinh tế thì gọi đó là phần “ròng”. Sự nhiều ở phần này được ví như: *châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên, nhiều như cát của tất cả các sông Hằng*. Giả như, với những người lòng thành, không bị *vướng, mắc, kẹt ...* mang của cải như thế để bố thí thì hẳn nhiên, Phước đức nhiều không kể xiết.

Khái niệm lớn mà đức Phật nói cũng thuộc về không hình thể.

Núi Tu Di là ngọn núi được tạo bằng bốn loại chất báu: vàng: bạc, lưu ly, pha lê rất xinh đẹp và cao hơn tất cả những núi khác ở Trung Hoa. Một người lớn, quý như vậy nhằm nói về nhân cách của người ấy, với nhân cách cao đẹp như vậy gọi là vĩ nhân (người lớn) .

Đức Phật nói rằng:

Một người nếu: a) *Nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng ; b) Thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác c) Giải thuyết cho người khác hiểu mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển (Ngã)* thì: Phước đức của người a,b,c này hoặc Phước đức người a+b+c này nhiều hơn phước đức của người lòng thành, không *vướng mắc* khi đem *châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên, nhiều như cát*

của tất cả các sông Hằng ra để bố thí. Và Nhân cách khi đó lớn hơn người có nhân cách lớn như núi tu di.

Liệu đức Như Lai giả dối được sao ?

Hãy phân tích điều đức Phật đã dạy này:

Giả như, một người A rất giàu có, và tạo cho mình những phước báo “hữu lậu” (hiểu một cách đơn giản là: đời người này, làm ăn chân chính, tạo rất nhiều của cải vật chất cho đời sau được hưởng), mỗi đời, người này đều đem rất nhiều của cải vật chất **Bố thí**. Việc bố thí đến muôn vạn, muôn ức đời người ... cho đến vô lượng kiếp – thì tài sản, vật chất của cải của người này đem ra bố thí nhiều đến mức độ nào ? Có phải của cải vật chất ấy nhiều đến mức chất đầy *thế giới tam thiên đại thiên, nhiều như cát của tất cả các sông Hằng* không ? Khổ nỗi, người này lại chưa *hiểu*, lại cứ bị *vướng, kẹt* ... nên Phước đức chỉ là *tom góp*... Phước đức thu về chỉ là những nhật nhật vật vãnh, còn con.

Giả như, cùng thời ấy có một người B, cũng có nhiều của cải và cũng bố thí như người A . Và cũng khổ nỗi, người này cũng lại chưa *hiểu*, lại cứ bị *vướng, kẹt* ...

May thay, có được người C. Người C: *Thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người B ; Giải thuyết cho người B hiểu mà không vướng, kẹt vào tướng, như như và không động chuyển* . Nên người B *hiểu*, và không còn bị *vướng, kẹt* ... nữa. Vì không bị *vướng, kẹt* ... nên Phước đức nhiều như (giá trị **Bố thí**): *châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên, nhiều như cát của tất cả các sông Hằng*.

Người C **Bố thí** (bằng Pháp thí) cho người B nhiều hay ít ? Phước đức của người C nhiều hay ít ?

Rồi giả như có người D: *Nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng*. Vì *đem lòng tin tưởng, không phản kháng* mà y theo. Vì y theo nên Phước đức không phải *tom góp*. Bồ Tát không *tom góp* Phước đức thì Phước đức *nhiều như hư không* vậy.

Vì vậy đức Phật dạy rằng:, “*Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng*”.

Có được cuốn kinh, cuốn sách giáo lý Phật: mang tặng, hoặc cho người khác mượn đọc, hoặc đọc cho người khác nghe, hoặc giảng cho người khác hiểu v.v... đều gọi là *pháp thí*.

Bài kệ “bốn câu” trên có nghĩa là: Các Pháp Hữu vi vốn là những Pháp mà cứu cánh vẫn còn *sanh diệt* . Vì còn *sanh diệt* nên chỉ là những ảo ảnh, mộng mị (huyễn hoặc) – như giọt sương, gập ánh

nắng là tan ; như ánh chớp, lóe lên rồi tắt ngấm. Hãy soi rọi Pháp Hữu vi ấy như thế.

3. THỰC TƯỚNG CỦA PHÁP

Đây là mảng chủ đề lớn thứ ba. Mảng chủ đề này đi sâu đến tận cùng về lý luận tu Phật. Có lẽ chỉ trong bộ kinh này mới thể hiện sự soi rọi đến từng “chân tơ kẽ tóc” về lẽ thật của con đường tu Phật . Xin nhắc lại, trong kinh Phật chữ Pháp được hiểu rất nhiều nghĩa: Lúc thì là vạn vật, mọi sự vật và hiện tượng ; lúc là Pháp giáo (cách thức, phương pháp giáo hóa của đức Phật) ; lúc là Pháp chứng (nhà sư Thích Huệ Hưng còn định nghĩa rộng hơn nữa: *Pháp : Phần thể chất, hình tượng, nghĩa lý, vũ trụ. ...*

Trong phần này, tạm chia ra thành những tiểu đề gồm: 3.1 Đức Như lai chẳng có gì để nói ;

3.1 Đức Như lai chẳng có gì để nói

Đức Phật hỏi: (1) : *Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói không ?*

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có gì để nói cả.

Đức Phật nói (2): *Tu Bồ Đề, thầy đừng bảo rằng Như Lai có ý niệm: ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Vì sao? Nếu có người nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói tức là người đó phỉ báng Phật vì lẽ người đó không hiểu điều ta nói. Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp*

Luận giải:

Có người tên là A nói thế này: “Cuối cùng thì đức Phật nói: tôi không nói gì cả”. Có lẽ người tên A này nói vậy là dựa vào ý câu nói (1) và (2) của đức Thế Tôn. Và họ (người tên A ấy) bỏ lửng, không nói gì thêm. Khi nói lại câu nói của đức Như Lai, chỉ như thế thôi là sai rồi (không đề cập sự hiểu của người tên A đến đâu, như thế nào). Khi nói lại câu nói của đức Như Lai, chỉ như thế thôi là sai rồi: bởi, Ngài có nói, sao lại không ? Có nói ngay trong câu nói của người tên A ấy, câu nói ấy là: “Tôi không nói gì cả” (ở đây lập lại nguyên văn của người tên A đã nói).

Khi nói: “Tôi không nói” có khác với Tôi (...) – tức là tôi lặng thinh không ? Khác nhau xa lắm đấy.

Thực ra, ở câu (1) đức Như Lai và Ngài Tu Bồ Đề hỏi đáp như thế này:

Đức Phật hỏi: *Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp (gì chuyên biệt) để nói không?*

Ngài *Tu Bồ Đề* thưa: *Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có (pháp) gì (chuyên biệt) để nói cả.*

Trong bốn mươi chín năm hành đạo, đức Phật chỉ và chỉ nói về sự khổ của con người. Sự khổ của con người gồm: sự khổ là thế nào? Nguyên nhân sự khổ ấy từ đâu? Cách nào diệt sự khổ? Muốn vĩnh viễn thoát ra khỏi khổ lụy phải làm sao?

Tất cả các Pháp của đức Như Lai chỉ nhằm vào các vấn đề xoay quanh sự khổ ấy. Nói cách khác: Tất cả các Pháp của đức Như Lai chỉ nhằm vào các vấn đề xoay quanh hạnh phúc vĩnh cửu cho con người. Vì sao? Vì triệt tiêu sự khổ thì hạnh phúc hiển lộ. Vì hạnh phúc ở ngay trong mỗi con người chứ có ở đâu xa?! Vì bị sự khổ che lấp nên tưởng chừng như hạnh phúc không có.

Ý nghĩa về tịnh độ về sự an lạc, yên vui ngay tại trong cõi đời này là vì vậy.

“Chờ đến khi chết đi, đạt được cứu cánh giải thoát – lúc ấy mới thoát khỏi sự khổ” – đó là suy nghĩ chưa hiểu và chưa thực chứng về con đường tu Phật.

Trong bốn mươi chín năm hành đạo của mình, đức Phật đã đưa ra hàng muôn nghìn Pháp. Bởi đức Như Lai nhìn ra được bản chất con người đến với ngài như thế nào và họ cần “loại thuốc gì” cho nên đức Như Lai cho nhiều “bài thuốc”, đó là những “bài thuốc đặc trị” – hiểu một cách khác thì đó cũng là những Pháp chuyên biệt.

Như vậy, hàng muôn nghìn Pháp của đức Như Lai đều là chuyên biệt. Sự chuyên biệt ấy là duy nhất: đó là tiêu trừ khổ, mang hạnh phúc chân thật đến cho loài người. Vì tất cả đều là chuyên biệt nên không có Pháp dành riêng cho chuyên biệt.

Ở câu (2): Với những lời như vậy, đức Như Lai có *Pháp* gì để *thuyết* không? Chắc chắn câu trả lời sẽ là không. Bởi nếu cho rằng đức Như Lai có Pháp để thuyết thì đó là sự *phỉ báng* Ngài.

Tại sao lại là *phỉ báng* Ngài?

Xin hỏi lại: Đức Như Lai có Pháp gì để thuyết không? Không. Nếu không, bốn mươi chín năm hành đạo, Ngài lặng thinh ư? Không. Nếu không, bốn mươi chín năm hành đạo, Ngài *thuyết* ư? Đúng.

Như vậy là đã hiểu lời dạy của đức Như Lai rồi. Hiểu thế nào?

Khi một bậc vĩ nhân nói thế này, thế kia. Họ có cái để mà *thuyết*. Bởi, những câu nói ấy sẽ là những “danh ngôn”, những “tư tưởng”, những “lời hay, ý đẹp”, những “giáo huấn”... Những “danh ngôn”, những “tư tưởng”, những “lời hay, ý đẹp”, những “giáo huấn”... ấy được

người ghi chép trân trọng giữ gìn cả ở trong sổ lẫn trong đầu. Và suốt cả cuộc đời của những người ghi chép ấy, ngoài sự nhớ ở trong đầu, còn luôn kè kè theo cuốn sổ – để những lời ấy sẽ theo họ cả xuống mồ. Như vậy, những vĩ nhân ấy là: có pháp và có thuyết.

Đức Như Lai thì sao ?

Nếu một vị Bồ Tát xem những lời dạy của đức Thế Tôn còn hơn cả những bậc vĩ nhân kia – nên càng cất giữ kỹ những lời dạy của Ngài sâu, chặt trong đầu – thì đó chẳng phải là sự *phỉ báng* Ngài sao ?

Nếu một vị Bồ Tát làm đúng theo lời dạy của Ngài, những pháp của ngài chỉ là phương tiện, dụng xong rồi thì rũ bỏ sạch – không còn lưu dấu gì – như vậy, đức Thế Tôn còn có *Pháp* gì để *thuyết* ?

Giữa *có thuyết có pháp* và *không có Pháp để thuyết* như đã trình bày là cả một sự khác biệt vô cùng to lớn.

Cứu cánh của thuyết pháp, đó là: người nghe, người học được tinh tấn hành trì. Từ sự tinh tấn trong hành trì, người học, người nghe được thực chứng – thực chứng ngay tại cõi đời này, chứ không phải là những hứa hẹn xa vời, hảo huyền. Bản thân sự thực chứng đó là *không thuyết*, nhưng, đó cũng là sự *thuyết* hơn bất kỳ một sự *thuyết* nào.

Đây cũng là một trong những tư tưởng của đức Như Lai hiện diện ở trong bộ kinh này.

Ngay trong cuộc đời này mà có được hạnh phúc chân thật sao ? “Đời là bể khổ kia mà” ?

Triết lý của nhà Phật là Phải tiêu trừ sự khổ để nhận diện sự an lạc ngay trong cuộc đời này.

Vì sự hành trì là của mỗi người, sự thực chứng là riêng của mỗi người – nên không thể dùng ngôn từ nói ra được. Ở đây đơn thuần chỉ là nói về lý – cái lý này sẽ chỉ là những câu chữ ngớ ngẩn một khi đã chứng thực, cái lý rằng:

Nếu sự hiểu – là thật sự, là toàn diện và chắc chắn thì: Giả như có trúng số độc đắc cũng chưa thể là vui – bởi đằng sau nó là những gì chưa biết (đã trình bày).

Nếu sự hiểu – là thật sự, là toàn diện và chắc chắn thì: Giả như có bị lừa mất một số tiền lớn thì sự buồn, sự khổ, sự hận thù, sự căm tức ... kia cũng chưa thể là sự buồn, sự khổ, sự hận thù, sự căm tức . Bởi, đằng sau nó chính là mình. Sự buồn, sự khổ, sự hận thù, sự căm tức

... dành cho chính bản thân mình thì liệu rằng nó có sâu sắc và dai dẳng đến mức phải “thác mang theo” không ?

Cho nên, với sự hiểu thật sự, toàn diện và chắc chắn như thế thì: đã là an nhiên trước tất cả những vô thường, vô Ngã của mọi sự vật, hiện tượng tác động đến đời sống của mình hàng ngày rồi.

Còn nếu như : với sự hiểu thật sự, toàn diện và chắc chắn như thế, cùng với sự hành trì mỗi ngày: đơn giản là chỉ niệm danh hiệu Phật, niệm chú Tâm kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa và tụng cho dù chỉ là “bài kệ bốn câu” (trừ “kệ tán”) trong bộ kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật này thôi – sao mà không lần hồi trú trong an lạc được ?

Không trú trong an lạc được, bởi sự hiểu kia là chưa thật sự, chưa toàn diện và chưa chắc chắn.

Không trú trong an lạc được, bởi sự *hành trì* kia cũng chưa thật phải là hành trì.

Vậy, hiểu thật sự, toàn diện và chắc chắn là thế nào ?

Sự hiểu là thật sự khi: việc làm phải luôn đi đôi với sự hiểu.

Sự hiểu là toàn diện khi: nhận thức về “có-giả tạm” và “không-thực tướng” là sự hài hòa, cân bằng (không xem nhẹ mặt này, không đặt nặng mặt kia và ngược lại) ; mọi sự vật và hiện tượng (trong đó có bản thân mình và người) luôn chuyển hóa – không cố định (chỉ một giây qua đi thôi, vạn vật – trong đó có mình và có người, đã không còn như trước nữa: hoặc tốt lên, hoặc xấu đi – nhà phật gọi đó là lẽ vô ngã, vô thường).

Sự hiểu là chắc chắn khi: không mảy may mê hoặc trước những “huyễn mộng bào ảnh”. Không run sợ trước những “huyễn mộng bào ảnh”. Vừa tu chân Pháp lại vừa *dựa vào Phi Pháp* thì đó là chao đảo, không chắc chắn.

Hành trì thật sự: Việc thực hành không sao nhãng, đứt đoạn ; thực hành với niềm tin không đổi dời.

Cần phải nói rõ thêm về một vấn đề quan trọng và bức thiết khác của con người:

Phần cuối kinh – cũng là điểm nhấn, điểm lưu ý – của bộ kinh “rất lớn”, rất thâm sâu, và rất vi diệu này của hệ Bát Nhã có một bài kệ “bốn câu” – và, chỉ cần tụng niệm hàng ngày bài kệ này thôi rồi giới thiệu cho người khác cùng biết – đã tạo ra phước đức không sao kể xiết. Phước đức đó do *sự hiểu* và *không hiểu* đã được trình bày trong phần Bồ thí và Phước đức.

Vậy, sự hiểu ở đây là gì ? Dùng trí tuệ để soi rọi (quán chiếu) cái gì ? “Nhân vật” duy nhất và là trung tâm trong bài kệ này là *pháp Hữu vi*.

Pháp Hữu vi là cái gì ghê gớm mà phải – được dùng để kết bộ kinh vốn rất “lớn” – cả về hình thức lẫn nội dung này ? (Bộ kinh trước đây rất dài, sau được cô đọng lại) .

Hữu vi thuộc về *Phi pháp*. Phi pháp được hiểu là không phải Thiên pháp, Chánh Pháp hay Chân Pháp . Đã gọi là Pháp, tức, tất cả đều là phương tiện. Một khi đã là phương tiện thì có *sinh có diệt*. Pháp Phật (Thiên Pháp), do đức Phật sanh ra thì rồi nó cũng sẽ mất đi. Tất cả nằm trong quy luật thường tồn của hữu hạn, đó là: *sinh, trụ, dị, diệt* (còn gọi là *thành, trụ, hoại, không*), tức: sinh ra, phát triển, suy thoái, tan biến. Những gì nằm trong hữu hạn thường tồn ấy gọi là *Hữu vi* ; những gì vượt qua hữu hạn thường tồn ấy, đạt đến vô hạn, gọi là *Vô vi*.

Như vậy, trước hết, Pháp Hữu vi và Thiên pháp có điểm giống nhau: trước sau, sớm muộn rồi cũng phải tan biến (đều nằm trong hữu hạn).

Sự khác biệt giữa hai pháp này ở chỗ cứu cánh của nó. Đích tối thượng mà hai Pháp này nhắm đến – là hai đích khác nhau: Cứu cánh của Hữu vi là Hữu vi còn cứu cánh của Thiên pháp là vô vi. Đây là sự khác biệt vô cùng to lớn.

Tại sao nói cứu cánh của Hữu vi là Hữu vi (vẫn còn trong hữu hạn, vẫn còn *sinh-diệt*) ? Bởi, người đứng đầu của Pháp Hữu vi là duy nhất, là chỉ có một (một thực thể) . Tức là, người sanh ra cả phương tiện và cứu cánh.

Tại sao nói cứu cánh của Thiên pháp là Vô vi ? Bởi, người sanh ra Thiên Pháp chỉ sanh ra Pháp. Cứu cánh vô vi là nơi dành cho mọi người cùng đến, bình đẳng như nhau.

Ở đây nếu không làm rõ hơn – thì sẽ có sự hiểu rất sai về tinh thần bài kệ bốn câu này. Bài kệ này có phải là sự phê phán gì pháp *Hữu vi* , qua đó nhằm đề cao Pháp *Vô vi* không ? Đức Như Lai *chẳng có gì để tuyên thuyết* nên cũng chẳng có gì để phê phán hay đề cao. Đức Như Lai chỉ duy nhất là nói *những điều chân thật, không dối*. Nói đúng sự thật là một trong những giới luật mà những người chọn con đường tu Phật luôn phải nắm lòng.

Tại sao đức Như Lai lại nói lên sự thật này ? Bởi Ngài nhận biết rất sâu và rất xa: pháp *Hữu vi* là một lực cản rất lớn trên con đường tiến hóa của muôn loài – đặc biệt, trong đó có loài người.

Với tất cả Pháp Hữu vi, bình đẳng chân thật là không có – bởi luôn tồn tại: bề trên và bề dưới. Đi theo con đường của Pháp *hữu vi* là phải chấp nhận sự cung phụng mọi mặt của một bề tôi với đáng tối cao của mình – sự cung phụng ấy là đòi đòi, hết đời người này sang đời người

khác – cho đến khi tất cả tan biến – để, có thể lại hình thành, trở lại từ đầu.

Chính khoảng cách bề trên và bề dưới ; chính sự cung phụng là “ngâm định” – đã khiến tự do, với đầy đủ ý nghĩa của nó – là điều không tưởng – không bao giờ với tới được .

Chính khoảng cách bề trên và bề dưới ; chính sự cung phụng là “ngâm định” – đã khiến trí tuệ, với đầy đủ ý nghĩa của nó – là điều không tưởng – không bao giờ với tới được .

Chính khoảng cách bề trên và bề dưới ; chính sự cung phụng là “ngâm định” – đã khiến con người chân thật, với đầy đủ ý nghĩa của nó – là điều không tưởng – không bao giờ còn đến được với con người chân thật của chính mình.

Với lòng từ bi vô lượng, sự xót thương những chúng sanh – làm lạc, u mê là vô cùng to lớn, đức Như Lai phải cảnh tỉnh bằng lẽ thật này:

Tất cả Pháp Hữu vi

Như mộng huyễn, bào ảnh

Như sương, như chớp lờ

Hãy quán chiếu như thế.

Sự biến đổi của tất cả Pháp Hữu vi (lớn, nhỏ) ngày càng tinh tế và rất mực đa dạng. Tuy nhiên, dưới hình thức nào đi chăng nữa – thì nhận chân ra Pháp Hữu Vi là điều không khó: Hãy tự đặt câu hỏi và tự trả lời rằng: Người đứng đầu Pháp ấy là ai ? Có phải người đó là duy nhất và là tối cao không ? (Không có người thứ hai ngang bằng, người duy nhất, và tối cao ấy sau đó truyền lại cho những người sau này nối tiếp sự nghiệp của mình – nhưng cũng chỉ với tư cách bề dưới) . Pháp Hữu vi lấy pháp làm cứu cánh – cho nên, bằng cách này hay cách khác, tất cả các pháp đều hướng tập trung vào vị đứng đầu, cao nhất. – hoặc biểu tượng do vị đứng đầu đặt ra làm trung gian – nhằm giúp che đi “hình ảnh” của mình.

Đức Như Lai nói rằng: đến như pháp của Ngài – Thiện pháp, cũng còn phải bỏ – huống chi không phải là thiện pháp.

Dùng trí tuệ soi rọi pháp Hữu vi là tập trung suy nghĩ cao về Pháp này, nhờ tụng bài kệ trên, đến một lúc nào đó, sự nhận biết về pháp Hữu vi này tường tận như *đi trong ánh mặt trời vậy..*

3.2 Muôn pháp chỉ là một

Đức Phật nói (1): *Này Tu Bồ Đề, tất cả các đức Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ*

kinh này. Nay Tu Bồ Đề, cái gọi là pháp Phật, đó chính là cái không phải pháp Phật

Đức Phật nói (2): Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đặc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Thầy Tu Bồ Đề thưa: Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người

Đức Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề (3): Thuở xưa lúc còn theo học với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì chăng ?

Bạch đức Thế Tôn, không. Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đặc pháp gì cả.

Đức Phật nói : Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác hay không?

Bạch đức Thế Tôn, không. Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì không có pháp gì sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật dạy: Đúng như thế, đúng như thế! Nay Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai có đắc. Nếu có thì đức Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: 'Sau này người sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.' Chính vì không có pháp có thể sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác cho nên đức Phật Nhiên Đăng mới nói với ta như thế. Vì sao? Như Lai có nghĩa là chân như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác thì người đó làm: chẳng có pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể đắc. Tu Bồ Đề, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai đắc ấy, thật ra không phải thật cũng không phải hư. Cho nên Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp. Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề thưa: "Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn."

Luận giải:

Trước hết, hãy đặt lại câu hỏi:

Có phương pháp tu nào gọi là phương pháp tu Phật không ? Không.

Nếu không, sao thành Phật được ?

Vậy, hỏi lại:

Có phương pháp tu nào gọi là phương pháp tu Phật không ? Có.

Có, vậy, giáo trình dạy và học để tu thành Phật gồm những gì ? Thời gian tu là bao lâu ?

Như vậy, rõ ràng, nếu cho rằng không thì không được ; cho rằng có thì lúng túng. Giữa không được và lúng túng – phải chọn lấy cái lúng túng trước, để xem xét nó:

Tại sao lại lúng túng ? Tại vì cái tên gọi. Cái tên gọi mang tính chuyên biệt. Về tính chuyên biệt, như đã đề cập, trong hàng muôn nghìn Pháp của đức Như Lai đều là “đặc trị”, vì đặc trị nên gọi đó là “chuyên trị”, vì chuyên trị nên rất chuyên biệt. Tất cả đều là chuyên biệt – nên không còn cái gì riêng để chuyên biệt nữa. Thực ra, đây cũng chỉ là một trong vô số cách diễn bày thôi.

Đức Như Lai đã trả lời câu hỏi này rất rõ:

Này Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai có đặc.

Ta chỉ cần lắp ghép thôi, là ra hàng loạt câu trả lời:

Này Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là Pháp Phật mà Như Lai có đặc.

V.v...

Một câu hỏi rất cơ bản ở đây là:

Tại sao, vì lẽ gì đức Như Lai lại đưa vấn đề ra như thế ? Tại sao, vì lẽ gì vấn đề này lại cứ được lập đi, lập lại – ngoài hình thức cổ của kinh ?

Vì con người nặng lòng với cái áo choàng, tên gọi của nó – và, thực ra, đức Như Lai nhận biết ra điều sâu kín nhất của con người: con người vốn tham lam lại hay nôn nóng. Cái gì cũng là muốn “mì ăn liền”, tu chưa được là bao đã muốn ngay (hoặc tưởng tượng ra) được chứng đắc quả to – phải là quả rõ to kia (mới hài lòng).

Một Bồ Tát càng nôn nóng, càng ham muốn ... thì con đường mỗi lúc mỗi hẹp. Vì sao ? Vì đến đây vẫn còn vương, còn kẹt vào cái *Ngã*, cái *Nhân* ... chưa thoát ra được.

Vậy, hỏi lại:

Có phương pháp tu nào gọi là phương pháp tu Phật không ? Không – nhưng chẳng phải là không, vì: “*tất cả các đức Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ*

kinh này”. Bộ kinh này là Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức là Pháp Phật chứ là gì ?.

Câu:

“Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp. Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn.”

Luận giải:

Trước hết phải đề cập đến cụm từ: *“Không. Nhưng chẳng phải là không”* hay: *“Không, cũng chẳng phải là không”*. Đây không phải là cách nói nước đôi. Nếu lạm dụng cụm từ này một cách vô căn cứ, thì đó cũng là chưa hiểu về *tánh Không* vậy.

“Không. Nhưng chẳng phải là không”, cái mà ta phủ định đó là hình tướng của nó – tức là cái vỏ bọc, thứ không thật có. Thứ không thật có ấy – không phải là không có – thậm chí không những không phải là không có mà đó còn là cái *có* mang tính quyết định. Đó là cái *có* mà ta phải hết sức lao khổ vun bồi. Vì cái *có* ấy là vô hình vô tướng – do không nhận biết được bằng các giác quan – nên *sáu trần* không tiếp xúc – vì vậy ý thức về cái *có* ấy là trống rỗng. Ý thức trống rỗng nên chẳng thể mach bảo được điều gì. Vì vậy, mang cái vô hình vô tướng vào ý thức trống rỗng là việc rất mực khó khăn – bởi nó không bình thường chút nào, đó là: vượt qua các trạm *sáu căn*, *sáu trần*. Chỉ có niềm tin mới làm được việc này. Niềm tin càng mãnh liệt, càng sâu sắc thì sự chứng thực càng nhanh. Một khi đã được thực chứng, niềm tin kia sẽ được củng cố.

Cho nên, qua cánh cổng Bát Nhã, là bước vào lãnh vực trí tuệ Phật. Trí tuệ Phật là không cùng nên cũng dễ choáng ngợp...

Trở lại vấn đề, để xét câu nói trên, chia làm ba mệnh đề:

Mệnh đề một:

“Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật”.

Như đã trình bày: Muôn vạn Pháp Như Lai đều có cứu cánh như nhau, đó là: cách đi đến “đất Phật”.

Mệnh đề hai này là cả một “ma trận”.

“Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp / cho nên mới gọi là tất cả các pháp”.

Trước hết phải tách mệnh đề này ra làm hai phần (như trên): Tạm bỏ phần sau đi, lấy phần trước sẽ như sau:

“Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra / không phải là tất cả các pháp”

Lại tách ra hai phần, bỏ phần trước đi, lấy phần sau và đặt thành vấn đề sẽ như sau:

Nêu: *không phải là tất cả các pháp* thì là cái gì ? Trả lời: Là *một Pháp*.

Lấy kết quả này ráp với phần sau của mệnh đề hai đặt thành câu có nghĩa sẽ như sau:

Vì không phải *Là một Pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp*”.

Lấy ý của mệnh đề một và hai sẽ là:

Muôn pháp là một. Một, chẳng phải là một pháp cho nên là muôn pháp.

Bây giờ sự tìm hiểu nghĩa mới là bắt đầu:

Nêu cần một cái tên chung nhất để gọi tất cả muôn pháp của đức Như Lai thì đó là pháp Phật chứ không thể là gì khác được. Một khi đã là pháp Phật thì cứu cánh của pháp ấy là *vô vi* chứ không còn con đường nào khác được .

Ngoài tên chung là Phật Pháp ấy thì: *một, chẳng (thể) là một pháp cho nên (phải) là muôn Pháp.*

Thực vậy, thử hỏi: Mỗi con người, với *chất* người có giống nhau không ? Chắc chắn không một ai giống ai. Trí tuệ có ai giống ai không ? Chắc chắn không một ai giống ai. Hạn cảnh, điều kiện có ai giống ai không ? Chắc chắn không một ai giống ai v.v...

Vì vậy, không thể là một Pháp mà (phải) là *muôn Pháp*

Đến đây, lý giải như vậy, thực ra vẫn chưa thể gọi là hiểu được ý Như Lai và đặc biệt là chưa hiểu được sự chuyển hóa đến vô cùng vi diệu của lý vô Ngã. Tất cả những cân, đong, đo, đếm ... của con người – chỉ thuộc về cái *hữu hạn*. Với *vô hạn*, các quy luật về sự chuyển hóa không còn bị giới hạn bởi bất kỳ một điều kiện nào. Ví như, trong thế giới tự nhiên của hữu hạn, một mầm cải để thành một cây cải mang ra chợ bán, phải mất năm bảy tuần gì đó – cùng với các điều kiện thuận lợi về: nước, phân ... Sự chuyển hóa thuộc về *vô hạn*, không còn lệ thuộc vào không gian, thời gian và tất cả những điều kiện ấy nữa. Thoát, mầm cải ấy sẽ thành cây cải. Trong chừng mực nào đó của pháp quán chiếu, con người vẫn có thể “nhận biết” được phần nào sự chuyển hóa “kỳ diệu” trong cái *vô hạn* này. Quy luật về sự chuyển hóa “bên trong”, của cái *chất* con người thuộc về cái *vô hạn*. Như vậy, cái *vô hạn* ấy có ở đâu xa ?! Nó ở đây ! Nó ở đây ! Nó ở đây ! Hóa ra, nó ở ngay trong con người mình. Thật, không thể hình dung, tưởng tượng

ra nổi điều như vậy. Than ôi, vì không nhận biết được, nên ... từ một con người, thoát cái ... đã trở thành ... súc sinh mất rồi !

Quay trở lại vấn đề, hiểu được ý của Như Lai ở đây là thế nào ?

Tất cả muôn pháp ấy cũng chỉ là một.

Con người vốn hay phân biệt, tính toán, kèn cựa, so đo ... Phải là tu Pháp “này” – mới là “xin”, mới mau chứng đắc, tu Pháp “kia” là ... còn thấp lắm ! Phải làm thế “này” mới đúng, mới mau chứng đắc, làm thế “kia” là hỏng !

Nếu là như thế, liệu rằng, đã hiểu được lẽ : *Pháp vốn là vô Ngã* – vốn là sự biến hóa *vi diệu* như vừa mới trình bày ở trên chưa ?

Một cụ già ít chữ, rị mọ, cố mà ê a câu kinh, lộn lên, lộn xuống ... có chậm chứng đắc hơn một người uyên thâm chữ nghĩa không ? Câu trả lời phải là: chưa thể khẳng định.

Vậy thì, sao lại là cao thấp ? Cao thấp để làm gì ?

Một người, có niềm tin, chỉ niệm bài kệ bốn câu trong kinh này, rồi đem truyền đạt cho người khác, việc tụng, việc làm ấy là ít hay nhiều ? (*Chỗ này xin để tự người đọc trả lời*)

Vì thấy các Bồ Tát còn quá nặng lòng việc cao thấp của các Pháp nên đức Như Lai mới nói câu trên ấy. Vì thấy các Bồ Tát còn quá nặng lòng việc hơn thua nên đức Như Lai mới nói câu trên ấy.

Ở góc độ logic và khoa học sẽ đặt vấn đề như sau:

Đức Phật nói rằng: Muôn pháp là một – có nghĩa đó là một chỉnh thể về giáo lý nhà Phật, đúng không ? Hay nói một cách khác, trong muôn vàn pháp ấy, mỗi Pháp là một thành tố tạo ra một tổng thể đa sắc, đa chiều của toàn bộ hệ thống giáo lý nhà Phật, đúng không ?

Sẽ luôn gặp cách đặt vấn đề, có vẻ “rõ ràng” như vậy .

Câu trả lời là:

- Đức Phật nói: *Muôn pháp là một. Một, chẳng phải là một pháp cho nên là muôn pháp.*
- Mỗi pháp Phật là một chỉnh thể. Mỗi pháp Phật không phải là thành tố tạo ra một pháp Phật chỉnh thể.

Hoặc sẽ bắt gặp cách đặt vấn đề khác:

Đức Phật đã nói: *“Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật”,* như vậy, *“đều là”* ở đây có nghĩa giống hệt nhau, đúng không ?

Câu trả lời là: “đều là” ở đây không phải giống hệt nhau, mà là các pháp Phật bình đẳng, không cao, không thấp.

Mệnh đề ba:

“Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn.”

Tu Bồ Đề thưa: “Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn.”

Cái thân, cái xác, cái mã, cái vỏ bề ngoài ấy – nói lên điều gì ? Trong hữu hạn, nó nói lên rất nhiều điều. Đó là: một người to, cao, khỏe mạnh, ăn như hổ, nói như sấm v.v... tuy nhiên, trong cái vô hạn, khi mà tước bỏ cái phần “vỏ” đi, thì: *chẳng phải là thân người cao lớn.* Có nghĩa, cái thực tướng, của con người to lớn ấy – có khi, thua cả một thân người “loát choát”. *Thực tướng ấy, gọi là cấu trúc tâm linh phần tâm trong sách này.*

Đức Phật Nói:

“Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực”.

3.3 Phá vỡ thành trì Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả

Đức Phật nói (1): *Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao? Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả.*

Tu Bồ Đề bạch đức Phật (2): “Thế Tôn, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc?”

Phật nói: “Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp.

Luận giải:

Hãy xem xét câu:

(...) một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh (...)

Từ “*độ*” nghĩa là: hóa độ – làm thay đổi hoàn cảnh, điều kiện ... thậm chí làm thay đổi *chất* của một đối tượng nhằm đến. Từ “*độ*” với Bồ thí có khoảng cách khác biệt rất xa. Mặc dù, hai khái niệm này cũng có chút giao thoa về nghĩa nhưng rõ ràng đây là hai khái niệm rất khác biệt.

Cùng hướng đến những đối tượng ngoài bản thân để giúp đỡ, song, Bồ thí là việc giúp đỡ cụ thể mà người nhận thấy được: *Tài thí, Tâm thí, Pháp thí*. “*Độ*” là những gì người nhận không thấy được. Cái mà người nhận không thấy được đó thuộc phần *vô hạn*. Đó là sự chuyển hóa thuộc về “bên trong” – tức *chất* của đối tượng được nhận được. Một khi *chất* ấy được chuyển hóa, nó có thể làm thay đổi hoàn cảnh, điều kiện ... (thuộc phần hữu hạn). Đây là điều – vượt tầm nhận biết của con người.

Song, vấn đề bị vấp vấp ở chỗ là: *phải và tất cả*. *Phải*, là ham muốn riêng tư, ham muốn này mang tính quyết tâm rất cao – tựa như không thể làm khác được ; *tất cả* ở đây là gom hết, là “tất tẩn tật” như đã trình bày.

Nếu như ngay khi “mở màn”, đức Như Lai phải dụng “đôi trị”, thì ở đây là một lời giáo hóa nhẹ nhàng hơn: “*Không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả*”. *Ngã, Nhân, Chúng Sanh, Thọ Giả* trở thành then chốt, là “chìa khóa” mở cánh cửa “bí ẩn” để đi đến *giác ngộ hoàn toàn*.

Vậy *Ngã, Nhân, Chúng Sanh, Thọ Giả* thực chất như thế nào mà khiến Bồ Tát có khi phải tu – đến hàng kiếp kiếp mới thành Phật ?
Thành trì Ngã.

Ngã, đó là: Bất biến, cố định. Ở đây xin tạm gọi đó là một cái khung được đóng sẵn, đóng chết. Cái khung này được đóng bởi sự chủ quan của cái tôi dành cho sự vật, hiện tượng – trong đó con người ngoài “tôi”. Nó là sản phẩm đặc sệt tính chủ quan – nhưng nó lại có nguồn gốc xuất phát từ tính tất yếu khách quan . Vì vậy, nó trở thành vấn đề thật sự nan giải – khi có ý định “đụng”, “chạm” vào nó.

Sự hình thành của nó bắt đầu từ khi còn lẫm chẫm ... nếu như đã sờ vào ngọn lửa, thì, từ đó về sau, ý thức sẽ mách bảo: lửa, đó là nóng, phải tránh xa than thể khỏi nó. Như vậy, cái khung đã được hình thành. Cái khung này dành cho ngọn lửa là: nguy hiểm – phải dè chừng. Cái khung như vậy là phù hợp với tính khách quan. Từ đây, ý niệm “chân lý” hình thành. Cái tôi chủ quan được xây dựng trên nền tảng “chân lý” ấy một cách hết sức vững chắc.

Khi đụng vào các mối quan hệ xã hội thì không còn đơn giản nữa, cái khung ấy buộc phải biến hóa, linh hoạt và mềm dẻo hơn ... Nhưng đó vẫn cứ phải là cái khung của cái tôi chủ quan. Ví như, hơi lớn lên một chút, có cây kem cầm trên tay, bị anh hoặc chị lừa, cả tin, ngoảnh mặt đi, khi quay lại, cây kem bị mẹ mất một miếng ... Nếu như người anh, người chị ấy không thể hiện: đó chỉ là sự trêu đùa – mà đó là sự gạt gẫm – cái khung từ sự linh hoạt, mềm dẻo sẽ trở thành một cái khung cố định bằng thép.

Có nghĩa, khi đó, cái Ngã (cái tôi chủ quan) trở thành bất trị.

Và, cái khung này, một khi nó được “tha” đi, “nhấp nhứ” cho tất cả mọi đối tượng – đó không chỉ đơn giản là sai sự thật – mà đó còn là sự bất hạnh.

Như vậy, bản chất của cái Ngã, cái tôi là tính bảo thủ, sự cố chấp. Trong nhà Phật chỉ gọi một từ là *chấp*.

Tính bảo thủ, sự cố chấp này thật sự là ghê gớm khi nó bắt chấp cả thời gian. Ví như: Có một người bạn, thời tiểu học, do ham chơi, học hành không được siêng năng nên điểm thấp. Cái khung từng dành cho người bạn ấy đó là: *dốt*. Bất chấp sự vận động và biến đổi, hai mươi năm sau, gặp lại người bạn ấy, vẫn nói thảm vào tai người bên cạnh: “Thằng ấy, hồi đó, ngu bỏ mẹ”. “Cái ngu bỏ mẹ” dành cho người bạn ấy – của hai mươi năm trước, không hề bị sút mẻ đi tí nào !

Cái Ngã, cái tôi chủ quan ấy trở thành bức thành trì – rất khó phá bỏ.

Một người có học, được trang bị “tận răng” về lý luận: mọi sự vật và hiện tượng luôn vận động và biến đổi – tức: VÔ NGÃ – thì, sự đánh giá “ngu bỏ mẹ” kia – có được xóa bỏ không còn chút dấu vết nào không ? Xin trả lời ngay rằng: Không hề – thậm chí, sự đánh giá “ngu bỏ mẹ” kia vẫn nguyên vẹn – nếu như chỉ đơn thuần là dựa vào *kiến thức*. Vì vậy, một người “bụng đầy chữ” (học và đọc rất nhiều, kiến thức rất rộng) – vẫn luôn “chông chênh” – bởi họ đã dừng lại ở việc đọc và học ; không biến sự đọc và học ấy thành sự *hiểu* . Tưởng rằng mình là “*người lớn*”, song, có khi đó “*chẳng phải là người lớn*” chút nào. Sự làm tưởng về mình cũng bởi do cái Ngã – vốn là bức thành trì kiên cố và “vĩ đại” ngự trị ở trong mình.

Như vậy, giữa *kiến thức* và *trí tuệ* của nhà Phật là hai khái niệm có nội hàm khác nhau rất xa.

Khái niệm *trí tuệ* của nhà Phật là nói đến sự *hiểu* – sự *hiểu* này đó là nhận biết về chân lý. Nhận biết về chân lý này không phải chỉ dừng ở cái vỏ bọc – có nghĩa, đó không phải là chuyện “nói hay”. Sự *hiểu* đúng là sự *hiểu* chỉ và chỉ khi trở thành tồn tại khách quan – có nghĩa, nó hiện diện tự nhiên trong đời sống sinh hoạt thường nhật hàng ngày.

Đến đây có lẽ đã khá rõ về việc: tại sao lại phải phá bỏ cái Ngã. Không phá bỏ nó, sẽ không thể nào đi đến *trí tuệ Bát Nhã Ba Mật Đa*, không thể nào hiểu được về lẽ thật.

Thế nhưng, biết xóa bỏ nó thế nào đây ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

Thành trì Nhân

Nhân ở đây là nói đến con người. Tức là đã tách riêng con người ra khỏi khái niệm *chúng sanh*.

Trong tất cả muôn loài chúng sanh, con người là động vật “cấp cao”. Nói là cấp cao, vì con người hơn hẳn những loài khác ở *trí tuệ*. Như đã trình bày, *trí tuệ* không đồng nhất với *kiến thức*. Cho nên, con người, nếu đánh mất *trí tuệ*, thì trở thành những loài chúng sanh khác, đó là điều hiển nhiên, khách quan.

Đến đây sẽ bắt gặp vấn đề: Như vậy, *Trí tuệ* và *Tâm* được hiểu như thế nào ?

Trí tuệ mới thật sự là biểu hiện của *Tâm* – chứ không phải là suy nghĩ, lời nói, hành động. Những bộc lộ ra bên ngoài của mọi suy nghĩ, lời nói, hành động của một người chưa thể hiện đúng cái *Tâm* của người đó (đã trình bày).

Tại sao lại kết luận *Trí tuệ* mới thật sự là biểu hiện của *Tâm* ? Bởi, *trí tuệ* giữ vai trò quyết định. Trước một việc phải *suy xét* có nên suy nghĩ, nói năng, hành động hay không – đó là quyết định của *trí tuệ*. Một *trí tuệ kém cỏi* sẽ dẫn đến những suy nghĩ, nói năng, hành động non yếu. Sự non yếu này – tùy vào “cái khung” chuẩn mực đạo đức của một xã hội mà đặt cho nó cái tên cụ thể. Sự non yếu của *trí tuệ* này là như nhau, song, mỗi xã hội, mỗi giai đoạn lịch sử của xã hội – sẽ có những đánh giá khác nhau.

Cái mà trước đây, trong sách này, gọi đó là *cấu trúc tâm linh phần tâm* thì đến đây cũng có thể gọi đó là *cấu trúc tâm linh trí tuệ*. (nếu trước đây gọi nó với cách gọi mới này sẽ là cả một sự rỗi bời).

Đến đây có thể hiểu thêm một bước: tại sao gọi con đường tu Phật là con đường tu trí tuệ. Thực chất, tu Phật, là cách để con người tiến lên – không bị lùi lại, không bị *thoái hóa*.

Do hoàn cảnh, điều kiện chi phối – trong đó, bản năng “thô thiển” là thứ trội dậy mạnh mẽ, luôn đòi hỏi phải đáp ứng để thỏa mãn ... cho nên *Trí tuệ* mà con người hiện có – một mặt là *trí tuệ hữu hạn* – mặt khác, đó không phải là thứ bất biến – tức, *vô ngã*.

Vì đó là *trí tuệ hữu hạn* – thậm chí là rất giới hạn nên con người rất dễ hay bị lầm lạc. Từ lầm lạc này có thể kéo theo những lầm lạc khác ...

và, con người với bản chất là hướng thiện, lại luôn tìm cách vươn lên ... nên *trí tuệ* đó không phải là *trí tuệ* bất biến (cố định) – tức, *vô ngã* (luôn biến đổi).

Như vậy, chính cái hữu hạn về *trí tuệ* mà khiến con người phải “chìm nổi”.

Tu Phật là đi đến cái *vô hạn của trí tuệ* – khi đó lại trở về *Ngã*. Có nghĩa, *trí tuệ Ba La Mật Đa* là *Ngã*, là bất biến.

Cần phải mở rộng ra thêm như vậy để khi trở lại vấn đề Nhân trong phần này mới thấy rằng, sự *hiểu* của con người về con người là rất hạn chế.

Xã hội loài người khi bắt đầu phát triển là bắt đầu có đủ các loại giai cấp và đủ các loại thành phần.

Vốn đã mang tính chủ quan, giờ lại thêm phân tầng của xã hội, cho nên con người nhìn con người bao giờ cũng bằng cặp mắt đặc sệt định kiến .

“Sếp” không chỉ là “sếp” trong cơ quan, nếu “chẳng may” học chung với “sếp” thì cũng “chớ dại” mà đánh đồng. Trong một bàn tiệc, toàn là những người mới quen biết, ấy vậy mà chỉ qua dăm ba câu chuyện thôi là có thể “sắp xếp” người này là loại này, người kia là loại kia. Cái khung dành cho mỗi người ấy là “chân lý” là bất biến.

Cũng chính vì vậy, một khi cái khung dành cho thần tượng của mình bị rạn nứt thì đó cũng là cả một sự “sụp đổ” ghê gớm.

Vì biết rằng con người luôn *dựa* vào cái vỏ bên ngoài, luôn “sống” bằng những thứ *huyền hoặc* – nên Pháp Hữu vi trở thành loại pháp thông dụng, được ưa chuộng và ngày càng phát triển mạnh mẽ. *Nhân* ở đây trở thành những vị *thánh sống*.

Người lớn ấy *chẳng phải là lớn* ...

Với *Trí tuệ vô hạn* thì: *Người lớn, chẳng phải là lớn ; người bé, chẳng phải là bé ; Người sang, chẳng phải là sang ; kẻ hèn, chẳng phải là hèn* ... Tất cả được đặt dưới cái nhìn bình đẳng tuyệt đối – hẳn nhiên, trong đó phải có cả bản thân mình.

Sự phân biệt con người đã dẫn đến sự đối đãi phân biệt con người. Đó là bức thành trì khó lay chuyển.

Làm sao phá bỏ bức thành trì này ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

Thành trì chúng sanh

Như trong kinh cũng đã cho hay, chúng sanh đó là: *Hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc*

không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác.

Như vậy, chúng sanh là vạn vật trên cõi nhân gian này. Như đã trình bày, đến con người còn bị phân tầng, phân lớp chứ nói gì đến chúng sanh. Nếu như có những con người còn bị đối xử thua cả con vật – thì con vật, cây cỏ hoa lá ... có đáng là gì.

Hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con cá mà xem ... hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con bò mà xem ... hãy nhìn thật sâu vào đôi mắt con chó mà xem ... Nếu sự nhìn ấy bằng một tâm hồn trong sáng, cởi mở ... bỗng nhiên sẽ phải giật mình – nhận ra rằng: đó là những sinh linh hết sức đáng yêu. Và, sẽ phải rùng mình khi nghĩ đến – những sinh linh ấy bị giết.

Tại sao con người không có được những tình cảm, những rung động ấy ? Trong sâu thẳm, con người không phải không có những cảm nhận, những tinh tế để nhận ra những điều khác biệt – ngoài thực thể đáng tội nghiệp ấy. Chỉ có điều những cảm nhận, những tinh tế ấy bị khóa lấp bởi những điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Lớp che phủ cứ mỗi ngày mỗi dày thêm... Triết lý của nhà Phật là : hãy để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy, ngang hàng với con người.

Với triết lý này, hàng “quý tộc” sẽ phải xanh người, lặn ra chết ngất. Khoan nói vội những điều mà đức Thế Tôn nhận biết – bởi loài người sẽ chẳng may mắn hiểu được chút nào – hãy xem xét triết lý ấy đơn thuần chỉ là triết lý: vậy thì, để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy ... có làm giảm đi giá trị thực có của mình không ? Chỉ có những giá trị “giả” mới thấy bị mất ! Để cho các loài chúng sanh ấy được nâng tầm, vụt lớn dậy ...việc làm ấy có cao đẹp, có mang tính thiện không ? Đó là nhân ái trên mọi lòng nhân ái.

Dưới mắt đức Như Lai tất cả đều bình đẳng. Khi đi ngang đống xương khô chất bên vệ đường, ngài quỳ xuống cúi lạy. Ngài nói: “*Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh*”. *Tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh – thì là gì ? Là Phật. Sẽ là Phật.*

"Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế? Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai gọi là không phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh."

Vì sẽ là Phật – có nghĩa chưa thành Phật, nên gọi đó là *chúng sanh*.

Để có được trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật Đa nên Bồ Tát phải mượn tạm nhận biết của đức Thế Tôn để làm nhận biết của chính mình. Khi đã có được nhận biết đích thực của mình, sự nhận biết tạm bợ kia không còn nghĩa.

Để có được cái nhìn bình đẳng giữa các loài chúng sanh – trong đó có bản thân mình, phải phá bỏ bức thành trì phân biệt đối đãi. Nó cũng là thứ đã được cắm rất sâu trong ý thức con người.

Vậy làm sao phá bỏ được nó ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

Phá bỏ thành trì Thọ giả

Thọ giả ở đây có nghĩa là thọ mạng. Tức là sự sống, sự chết (thọ ở trong Tâm kinh Bát Nhã là sự cảm thụ, thuộc đời sống tinh thần).

Con người luôn tồn tại trong hai nỗi ám ảnh: sự sống và cái chết. Còn bé, nêu như nỗi ám ảnh về sự sống ít hơn thì sự chết “đe dọa” nhiều hơn, thông qua hình ảnh: ma, quỷ... Lớn lên, nỗi ám ảnh về cơm, áo, gạo, tiền, địa vị, danh vọng ... làm lấn át nỗi sợ về cái chết – tuy nhiên, nỗi ám ảnh ấy vẫn hằng luôn âm ỉ, chờ đến khi có cơ hội, nó bùng phát dữ dội. Con người, trước cái chết là cả nỗi kinh hoàng. Nhiều người làm tưởng rằng: cái chết, chẳng có gì phải sợ. Điều ấy chỉ đúng hay không đúng ở những giây phút cuối cùng trước khi từ giả cõi đời.

Một Bồ Tát, nếu là Bồ Tát đích thực, thì sẽ dùng linh giác nhạy bén của mình để nhận ra: ý nghĩa sự sống – giá trị sống – mới cần sự hiện diện của mình trên cõi đời này. Ý nghĩa ấy chứa đựng cả hai phương diện tồn tại thực tại: Làm tròn sứ mệnh của mình – và phải “trả” những gì cần phải “trả”.

Trọng trách của một Bồ Tát là lớn lắm, trước hết, đó là trọng trách sống còn: phải giữ trọn vẹn, đầy đủ cái *hạnh* của mình. Nếu không giữ trọn vẹn cái *hạnh* của mình, khi giáo hóa chúng sanh, đó chỉ là con vẹt biết “hót”. *Chúng sanh* khi đó còn *lớn* hơn cả vị Bồ Tát không đủ *hạnh* ấy.

Một Bồ Tát “đích thực” mà còn so đo, tính toán, hơn thua, nuông chiều, đua đòi ... những thứ không thật có sao ?

Một Bồ Tát “đích thực” mà còn so đo, tính toán, hơn thua, nuông chiều, đua đòi ... những thứ không thật có – không phải chỉ là *một Bồ Tát* không đích thực – mà đó còn là sự đi vào ngưỡng cửa “âm”. Một Bồ Tát “đích thực” mà không nhận biết được sự chuyển hóa vi diệu này ư ? Than ôi !

Một Bồ Tát đích thực sẽ nhận biết đời sống tạm bợ này chỉ tựa “gang tay” – so với những gì Bồ Tát đã đi qua ... Cả một hành trình ngút ngàn tít tắp diệu vợi để có được hôm nay ... ấy vậy mà, lại có những Bồ Tát để chút phù du “cuốn trôi” đi tất cả ... Than ôi ! Mau mau thức tỉnh để cứu vớt phần còn lại của mình.

Một Bồ tát – nếu không phải là Bồ Tát đích thực – sẽ luôn ở trong sợ hãi.

Sợ hãi cùng cực về cái chết cũng là bức thành trì rất khó lung lay.

Vậy làm sao phá bỏ được nó ?

Luôn giữ hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Đó cũng là Pháp Phật.

Tại sao cứ luôn phải là : Giữ hạnh Bồ Tát ?

Để trả lời câu hỏi này, trước tiên phải trả lời câu hỏi: Bồ Tát giữ vai trò gì đối với chúng sanh (trong đó: Bồ Tát giữ vai trò gì đối với nhân loại) ?

Đức Thế Tôn nói: *"Hay lắm, thầy Tu Bồ Đề! Thầy nói thật đúng, Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát"*.

Như vậy Bồ Tát là những người được đức Phật “giao phó sự nghiệp” giáo hóa chúng sanh. Có nghĩa, việc chúng sanh giác ngộ đi theo con đường tu Phật như thế nào là “nằm trong tay” các vị Bồ Tát (tại gia và xuất gia).

Câu hỏi thứ hai cũng cần phải được trả lời: Một Bồ Tát tại gia và xuất gia phải dựa trên nền tảng cơ bản nào ?

Một Bồ Tát tại gia và xuất gia phải dựa trên ba nền tảng cơ bản, đó là: *Tín, Hạnh và Nguyện*.

Trước hết là niềm tin. Nếu ví như một Bồ Tát xây một tòa tháp cho mình thì: Niềm tin là nền móng của tòa tháp đó. Vì niềm tin là điều rất riêng của mỗi người – không có nét chung để xem đó là Pháp Phật. *Nguyện* đó vừa là ý nguyện vừa là lời *thệ nguyện*. Trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa này, *nguyện* đó là phát tâm của những vị Bồ Tát đạt đạo quả *Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*. *Nguyện* được ví như là mái chóp nhọn của tòa tháp. *Nguyện* cũng là việc rất riêng của mỗi người không có nét chung để xem đó là Pháp Phật.

Luôn giữ hạnh Bồ Tát có các điểm chung dành cho tất cả các vị Bồ Tát. Vì vậy, *Luôn giữ hạnh Bồ Tát* là Pháp Phật và cũng là nền tảng, cơ bản cho các vị Bồ Tát. *Luôn giữ hạnh Bồ Tát* được ví như là thân

tháp vậy. Móng, thân, chóp tháp phải hài hòa thì cấu trúc ấy mới bền, chắc được.

Giữ được hạnh Bồ Tát là Bồ Tát dùng đôi chân trần của mình chạm vào mặt đất – không bị kéo bổng lên “chín tầng cao”. Từ những việc làm nhỏ nhặt, bình thường, hàng ngày – tự nhiên, không nghĩ ngợi – hóa ra đó lại là *không phải tom góp*. Vì không phải là *tom góp* nên chuyện “*đại sự*” thành tự lúc nào cũng chẳng hay ...

3.4 Không Pháp nhưng chẳng phải là hư vô đoạn diệt

Đức Phật nói (1): *Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh. Tu Bồ Đề, Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời. Tu Bồ Đề, nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư.*

Đức Phật nói (2): *Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ là khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ta phải coi các pháp là hư vô, đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế. Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không chủ trương rằng các pháp là hư vô hay đoạn diệt.*

Đức Phật nói (3): *Tu Bồ Đề! Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác phải biết như thế về tất cả các pháp, phải thấy như thế về tất cả các pháp, phải tin hiểu như thế về tất cả các pháp mà không nên có khái niệm về pháp. Tu Bồ Đề! Cái gọi là khái niệm về pháp Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.*

Luận giải:

Pháp ở đây hiểu là cách thức, phương pháp.

Ở những phần trước, phần nào cũng có liên quan về vấn đề Pháp. Ngay từ khi mở đầu kinh (ở phần luận giải đặt mục: là “Thực tướng các đạo quả”) là cũng đã đề cập đến Pháp ; sau đó đến Bồ thí cũng là vấn đề liên quan rất thiết yếu đến Pháp ; rồi lại sau đó, vấn đề cao thấp cũng là vấn đề của Pháp. Đến đây, lại dành hẳn cả một mục nói về vấn đề Pháp là thế nào ?

Pháp, bằng bạc, hiện diện khắp nơi trong kinh phật. Bởi đó là tồn tại thiết yếu vào bậc nhất đối với con người trong thế giới của hữu hạn.

Từ nguyên thủy, khi loài người nắm được Pháp tạo ra lửa, bằng cách chạm hai hòn đá vào nhau, Pháp đã hình thành. Pháp ấy được lưu truyền, đời sống của con người bước sang trang khác. Mở mắt dậy,

con người đã phải chạm vào Pháp: cách thức đánh răng ; bước ra cửa, leo lên chiếc xe là dụng ngay lấy Pháp. Như vậy, Pháp là thứ không thể vắng mặt ở bất cứ thời điểm nào trong đời sống hàng ngày của con người. Tuy nhiên, có những lúc, có những việc ... không Pháp.

Hãy nhớ lại buổi đầu tập đạp xe. Cái buổi đầu ấy, chân bên phải ấn xuống – thì chân bên trái phải nhấc lên ; hai tay phải giữ chặt tay lái, muốn quẹo phải, thì thu tay phải, đồng thời tay trái lỏng ra v.v... Khi đã quen, sao mà thấy nhẹ nhàng thanh thoi, ngồi trên xe chỉ còn thấy hai bên khung cảnh hữu tình ... đó là lúc dụng pháp nhưng không pháp.

Như vậy, con người tồn tại với tính chất luôn mang vác đầy pháp. Tuy nhiên, con người cũng tồn tại với tính chất khác: không pháp.

Không pháp (thật sự) chẳng phải là không nên có Pháp.

Ở đây, phải dành hẳn một mục riêng để đi đến tận cùng vấn đề Pháp. Có nghĩa rằng: rất cần phải có Pháp soi rọi vào những cái pháp.

Cứu cánh của Pháp là gì ? Là Không pháp.

Có nghĩa: lộ trình của một Bồ Tát phải là: từ Pháp đi đến cái Không pháp. Nếu không đạt được cứu cánh ấy, chưa phải là một bồ tát đích thực (luận suy).

Trở lại Pháp Bồ thí. Khi một Bồ Tát thực hiện Pháp Bồ thì, chỉ một giây trước, Pháp Bồ thì là tồn tại. Một giây sau, nó trở thành quá khứ. Nó trở thành quá khứ, bởi việc làm ấy đã được chuyển hóa: từ Bồ thí thành Phước đức. Lộ trình của Bồ Tát thay vì hướng về trước để bước tới, đến đích là Không pháp – thì lại quay lưng, trở đầu.

Ý nghĩa về *ting tán* – một trong sáu hạnh của Bồ Tát – vì vậy chưa thể gọi là tròn đầy.

Qua đây thấy rằng: Một Bồ Tát phải biết bắt chấp tất cả, luôn hướng về cứu cánh phía trước và chỉ bước những bước đi tới. Quá khứ phải bỏ lại sau lưng.

Riêng chỗ này sẽ bắt gặp một vấn đề: Vậy thì: ăn năn, sám hối là thế nào ? Nếu không “nhìn lại” sao có thể gọi là sám hối, ăn năn ?

Quay lại, nhìn lại để sám hối, ăn năn là điều sai lầm. Sám hối, ăn năn về một lỗi lầm nào đó – đó là nhận thức. Nhận thức này không cần phải quay lại – để “sống” lại, “sống” trong quá khứ. Sám hối, ăn năn là một loại “vắc-xin” ngừa, không phải là loại thuốc chữa được vết thương trong quá khứ. Quá khứ là không thể lấy lại, không thể sửa đổi, không thể làm khác. Nó đã được chuyển hóa. Sám hối, ăn năn chỉ có thể là một loại “vắc-xin” ngừa cho chuyện sắp xảy ra, sẽ xảy ra,

hoặc không bao giờ xảy ra – trong tương lai, với những điều tương tự. Sám hối ăn năn không phải là lý thuyết, không phải chỉ bằng tưởng tượng – là có thể xóa những gì đã xảy ra được. Việc rửa bỏ, xóa dấu tích trong quá khứ chỉ là điều “*mộng huyễn, bèo ảnh*”. Ăn năn, sám hối chỉ có nghĩa – khi nó trở thành việc làm cụ thể. Trước đó làm điều phi thiện, để tỏ rõ sự sám hối, ăn năn – thì, làm điều thiện. Chỉ có những việc làm thiện to lớn thì mới tạo ra được sự chuyển hóa từ lỗi lầm nặng – trở thành lỗi lầm ít nặng hơn (đã trình bày trong phần “*Tâm và Tâm linh*”). “*Buông đao sẽ thành Phật*” (nhiều người hay nói tắt, bỏ chữ “*sẽ*”, làm câu không rõ ý). Một người gây ra nhiều làm lỗi, “*quay đầu hồi hướng*” – có nghĩa từ hướng ác, quay lại hướng thiện – và cứ hướng thiện đi tới, không ngoái đầu nhìn lại, thì sao lại không thành Phật được ?

Quay trở lại vấn đề: Pháp Bồ thí là nằm trong *hữu hạn*. Chỉ một bước nữa thôi, Bồ Tát sẽ đi từ cái *tương đối* của hữu hạn vào cái *tuyệt đối* của vô hạn – đó là : Không Bồ thí.

Tại sao lại phải đi đến cái *tuyệt đối* ấy ?

Bởi không thể phủ định luật *nhân – quả* được .

Lại trở về pháp Bồ thí: Giả như, Bồ Tát giúp một người nào đó một số tiền (cho dù dấu tên), liệu rằng sẽ “*thoát*” cái phước báo “*hữu lậu*” được chăng ?

Gặp một người hoạn nạn, Bồ Tát có điều kiện, vì sợ Phước báo “*hữu lậu*” mà quay lưng được sao ?

Nếu như không đạt được chân lý tuyệt đối ấy, thì sẽ còn mãi *vướng, mắc, kẹt* ... trong vòng tròn tròn duyên khởi – của phước báo hữu lậu . *Vướng, kẹt* trong đó, rồi, có lúc không còn giữ được Giới, là đi vào “*trong bóng tối*”, không thấy được *ánh mặt trời*. Cứ như vậy, biết bao giờ đến được cứu cánh Niết Bàn ?

Hàng loạt vấn đề sẽ là như vậy – nếu như Bồ Tát không nắm bắt được nguyên lý của *tánh Không* thuộc chân lý tuyệt đối.

Đến đây, phải đối diện với một vấn đề khác: Nói như vậy, còn *thuyết Tương đối* thì sao ?

Thuyết Tương đối không phải là *tuyệt đối*. Vì, nếu như *thuyết Tương đối* là *tuyệt đối* (đúng) thì bản thân nó tự triệt tiêu. Vì, *thuyết Tương đối* chỉ là tương đối (thôi), nên ngoài nó – vẫn còn có những *tuyệt đối*.

Tính *tuyệt đối Không*, có phải là *tuyên thuyết* của đức Như Lai ?

Đức Như Lai *không có gì để tuyên thuyết*. Vì sao ?

Nếu như có người nào đó nói với con rắn chúa rằng: “*Việc làm của mi là đang ăn thịt đồng loại. Đó là ác tội!*” . Liệu rằng con rắn chúa ấy có hiểu được những lời giảng giải đạo lý đó không ?

Vậy thì, đức Như Lai có gì để *tuyên thuyết* ?

Trở lại vấn đề, Bồ Tát chỉ một bước nữa là sẽ đi từ cái *trương đối* của hữu hạn vào cái *tuyệt đối* của vô hạn. Thế nhưng, bước như thế nào ? Làm sao rũ bỏ được các pháp ấy ?

Giữ lấy hạnh Bồ Tát. Vì sao ? Vì đó cũng là Pháp Phật.

Đến đây, vấn đề đã được thu hẹp đi khá nhiều, chỉ còn:

Giữ lấy hạnh Bồ Tát (1). Vì đó cũng là Pháp Phật(2).

Vẫn còn lằng ngoằng ở cái vế thứ hai (2) của câu trên. Tại sao ?

Tại vì sợ buông cái vế thứ hai (2) ấy đi thì ... “*mất linh*”. Phải có cái “*mác*” ấy thì mới yên tâm được.

Bây giờ Bồ Tát chỉ còn mỗi “*bước*” khá dễ dàng là: Lột, và vất bỏ cái “*mác*” ấy đi một cách mạnh dạn, không tiếc nuối ...

Có nghĩa, Bồ Tát chỉ còn duy nhất là việc giữ hạnh Bồ Tát cho mình.

Một khi làm được như vậy rồi, xin chịu khó trở lại từ đầu:

Xin hỏi là: Bồ Tát tại gia, giữ sáu hạnh Bồ Tát đó có phải là Pháp Phật không ?

Trả lời: Bồ Tát tại gia, giữ sáu hạnh Bồ Tát là Pháp Phật.

Xin hỏi: Điều đó là khẳng định, là chắc chắn chưa ?

Trả lời: Điều đó là khẳng định, là chắc chắn.

Xin hỏi: Khẳng định, chắc chắn ấy đã là quá khứ chưa ?

Trả lời: Khẳng định, chắc chắn ấy đã là quá khứ.

Xin hỏi: Quá khứ ở sau lưng, bên cạnh, hay trước mặt ?

Trả lời: Quá khứ ở sau lưng.

Xin hỏi: Trước mặt có nó không ?

Trả lời: Không.

Vậy thì, Bồ Tát chỉ còn giữ hạnh của mình trên mỗi bước đi tới, không bao giờ ngoái đầu nhìn lại.

Đến đây vấn đề không phải đã được thu hẹp đi khá nhiều – mà vấn đề đã được thu hẹp đi rất nhiều. Chỉ còn lại *hạnh Bồ Tát*, với một Bồ Tát tại gia, đó là: Giới ; Bố thí ; Tinh tấn, Nhẫn nhục, Thiên định và Trí tuệ. Nếu buông tất cả đi là bước vào *tuyệt đối*.

Vì Bồ Tát không bao giờ ngoái đầu nhìn lại – để dựa vào bất cứ gì – nên: Giới bỏ lại sau lưng ; Bồ thí bỏ lại sau lưng ; Nhẫn nhục bỏ lại sau lưng ; Tinh tấn bỏ lại sau lưng ; Thiên định bỏ lại sau lưng ; Trí tuệ bỏ lại sau lưng .

Bỏ lại sau lưng là thế nào ?

Bởi tất cả đã là hơi thở. Bởi tất cả đã là thức ăn. Bởi tất cả đã là nước uống.

Vì vậy, trước mặt, bên cạnh, sau lưng, bên trong của Bồ Tát chẳng còn gì gọi là Pháp Phật..

Một khi như vậy – thì Pháp Phật sẽ thế nào, có đoạn diệt không ?

Xin lại hỏi: Pháp Phật có bị đoạn diệt không ?

Trả lời: Pháp Phật sẽ bị đoạn diệt. Vì sao ?

Vì pháp ấy do đức Phật sanh ra. Có *sinh* là có *diệt*.

Xin lại hỏi: Hạnh của Bồ Tát có phải là Pháp Phật không ?

Trả lời: Hạnh của Bồ Tát là Pháp Phật.

Xin lại hỏi: Hạnh của Bồ Tát có bị đoạn diệt không ?

Trả lời: Hạnh của Bồ Tát sẽ bị đoạn diệt. Vì sao ?

Vì pháp ấy do đức Phật sanh ra. Có *sinh* là có *diệt*.

Xin lại hỏi: Hạnh Bồ Tát mà các Bồ Tát kia đang giữ có Phải là Pháp Phật không ?

Trả lời: Hạnh Bồ Tát mà các Bồ Tát kia đang giữ không Phải là Pháp Phật. Vì sao ? Vì tất cả chỉ còn là hơi thở. Tất cả chỉ còn là thức ăn. Tất cả chỉ còn là nước uống.

Xin hỏi: Tại sao là hơi thở, là thức ăn, là nước uống ?

Trả lời: Vì đó là *hạnh* của Bồ Tát . Vì đó là Bồ Tát đích thực. Và vì đó là tự nhiên, là thường nhật, hàng ngày.

Vì là hơi thở, là thức ăn, là nước uống nên Pháp Phật sẽ chẳng đoạn diệt bao giờ.

4. THỰC TƯỚNG CỦA ĐỨC NHƯ LAI

4.1 Nhẫn nhục của đức Như Lai

“Tu Bồ Đề, cái gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tại sao? Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt

vào khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) mất rồi.

Lại nhớ đến thuở xưa khi ta còn tu tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không bị kẹt vào các khái niệm Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Vậy nên thầy Tu Bồ Đề ơi, Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ”.

Luận giải:

Nhẫn nhục, có thể hiểu một cách đơn giản là: chịu đựng để vượt qua. Tuy nhiên khi nói rằng: “Tôi đang cố chịu đựng để vượt qua” thì lúc ấy sự chịu đựng là mong manh và sự vượt ấy còn dang dặc phía trước, chẳng biết khi nào mới qua. Vì chẳng biết khi nào mới qua, nên sự chịu đựng lại càng thêm dang dặc.

Có các cụ bà, cả đời nhẫn nhục: nhẫn nhục trong công việc đồng áng ; nhẫn nhục vì chồng, vì con ... vì vậy với họ, không có gì là nhẫn nhục. Sự chẳng thấy gì là nhẫn nhục ấy của các cụ mới đúng là sự nhẫn nhục vô hạn, “ghê gớm”.

Cho nên : *Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật.*

Như vậy, để thật sự có được sự nhẫn nhục vô hạn (Ba la mật) thì phải xem sự nhẫn nhục ấy là không phải (không có) nhẫn nhục. Để xem sự nhẫn nhục ấy là không phải (không có) nhẫn nhục thì phải phá các thành trì: *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả.*

Với các cụ bà đề cập ở trên có thể hình dung như sau: sáng sớm tinh mơ đã phải xong việc ngoài đồng, tất tả về nhà, lo việc phục vụ chồng, con sắp ngủ dậy ... khi đó *Ngã*, (cái tôi chủ quan của các cụ) hầu như không tồn tại: các cụ đã như không còn chút mảy may nào nghĩ đến bản thân mình. Sự phân biệt giữa cái tôi và chồng, con (*Nhân*) là không còn – cái tôi và *Nhân* (chồng, con) như một thể thống nhất ... Nếu cụ bà vẫn còn *Ngã, Nhân* – thì sẽ sinh ra giận dữ con, oán hận chồng ...

Đức Thế Tôn khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, không sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) vì đã không bị kẹt vào khái niệm *Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả.*

Con người vốn rất thương hay nôn nóng. Tại sao lại nôn nóng ? Tại sao muốn cái gì là phải muốn được ngay ? Tất cả do cái *Ngã* của mình – cái tôi thoát chốc trở thành “cái rốn của vũ trụ” – khi đó, bất chấp cả

những quy luật khách quan – trong đó có những quy luật nhận biết được thông qua suy luận ; và có cả những quy luật không thể nhận biết được.

Khi chưa phá được thành trì Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả – mà lại nghĩ đến các đạo quả – thì đó là sự nóng vội, rất mực chủ quan – khi đó cũng có nghĩa để sáu trần chi phối, điều khiển bản thân mình . Vì vậy, mà: *Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ.*

4.2 Như Lai trang nghiêm nơi cõi Phật

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật chăng? Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật. Như thế đó, thầy Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát và đại nhân nên phát tâm thanh tịnh theo tinh thần ấy. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô trụ

Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nghĩ 'ta phải trang nghiêm đất Phật ' thì người đó chưa phải là Bồ Tát. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là trang nghiêm đất Phật vốn không phải là trang nghiêm cho nên mới gọi là trang nghiêm. Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực.

Luận giải:

Một cô gái mới về nhà chồng – vì khái niệm nhà chồng rất nặng trong đầu nên khép nép, không còn tự nhiên. Càng ra vẻ tự nhiên, càng lung túng. Một thời gian, khi cái “nhà chồng” kia mất hẳn thì tự nhiên sẽ đến.

Sự trang nghiêm cũng vậy, một khi còn nghĩ đến cõi Phật, thì việc có tạo ra vẻ trang nghiêm có khi trở thành khô cứng.

Ở đây, có một ý rất lạ của đức Như Lai: như vậy những chỗ mà con người tạo ra vẻ “huyền bí” để tôn vẻ hết sức thâm nghiêm kia là chỗ gì ? Là chỗ chẳng có gì thâm nghiêm – bởi, đó là sự đe dọa. Nơi để mọi người mang đến nỗi sợ (cho dù là mơ hồ) có phải là trang nghiêm ?

Như vậy, triết lý của nhà Phật – khác rất xa với triết lý của các thần giáo *Hữu vi*. Cõi Phật là nơi thanh tịnh của những “người” tuyệt đối thanh tịnh.

Đức Như Lai luôn đề cập đến việc một Bồ Tát phát tâm *vô trụ* – có nghĩa là không dựa vào đâu. Để không dựa vào đâu, thì *Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm*. Được như vậy thì đó là: *phát tâm thanh tịnh* vậy. Sự trang nghiêm chỉ có được khi nó xuất phát tự thân, từ bên trong – và gốc của sự trang nghiêm đó chính là *thanh tịnh*. Chính sự thuần khiết – mới là điều trang nghiêm đích thực.

4.3 Như Lai hóa độ

Đức Phật nói (1): *Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm 'ta sẽ độ chúng sanh'. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh và khái niệm Thọ Giả rồi. Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã mà người phàm phu lại cho là có ngã. Nay Tu Bồ Đề, kẻ phàm phu đó, Như Lai không cho đó là phàm phu cho nên mới gọi họ là phàm phu.*

Đức Phật nói (2): *Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói: 'Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm' kẻ ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.*

Luận giải:

Như đã trình bày, “Độ” có nghĩa là sự chuyển hóa, sự cho, sự bố thí – mà người nhận không thể thấy, nắm, bắt – bằng các giác quan thông thường. Và cũng như đã trình bày, sự tu – chúng đắc quả đạo cho dù là cao tột – cũng không mong có một năng lực quyền hạn vô biên nhằm ban phát ban ơn – bởi lẽ sự *cho*, tức là sự *sanh* cũng đồng nghĩa với sự *lấy*, tức sự *mất*. Đó là quy luật thường tồn. Quy luật này là *tuyệt đối thuộc vô hạn*. Như vậy, (nếu) *có chúng sanh nào để cho Như Lai độ* – và đức Như Lai ra tay *độ* thì – việc làm ấy – có ý nghĩa gì ?

Vậy, đức Như Lai ; các chư Phật ; các chư vị Bồ Tát ... hóa độ chúng sanh là như thế nào ?

Trở lại với ví dụ “tập đi xe đạp”. Việc theo con đường tu Phật tựa như tập đi xe đạp. Mong muốn đạp được xe, lái được xe là mong muốn của ai ? Các chấn không phải là của các chư Phật, chư vị Bồ Tát, đức Như Lai. Rồi việc tập tành đạp, tập tành lái được xe là việc tập của ai ? Các chấn không phải là việc của các chư Phật, chư vị Bồ Tát, đức Như Lai.

Để giúp cho người tập lái xe không bị ngã dập mặt xuống đường ; không bị lao vào các hầm hố ... Việc làm ấy của các chư Phật, chư vị Bồ Tát, đức Như Lai có phải là “độ” tức “ban tặng” việc lái xe hết sức thành thoi cho chúng sanh không ? Hẳn nhiên là không rồi.

Ngã – vốn không Ngã – phạm phu cho có Ngã (thì đó là Ngã).

Độ – vốn không Độ – phạm phu cho có Độ (thì đó là Độ).

Kẻ phạm phu tạm hiểu là người nông cạn, thiếu hiểu biết.

Đức Như Lai không cho đó là kẻ phạm phu – bởi, đó là do chưa hiểu biết – một khi hiểu biết rồi thì đó không còn là phạm phu nữa. Vì đang lúc vẫn còn chưa hiểu biết nên phải gọi đó là phạm phu vậy.

Ý nghĩa về hai chữ Như Lai được nhà sư Thích Huệ Hưng định nghĩa như sau: Tự thể Thập thân chẳng động chẳng dời là "Như". Trí quang chiếu khắp bi tâm độ sanh là "Lai". Toàn thể như như bất động, tùy duyên đến hóa độ trong muôn loài, đến trong muôn loài, mà vẫn như như bất động nên gọi là Như Lai.

Như vậy, trong kinh này, đức Phật nói rõ hơn nữa về danh hiệu của Ngài: *Không tới, không đi, không ngồi, không nằm* – Không, đó cũng chẳng phải là không – bởi, tất cả đều là sự chuyển hóa vi diệu .

4.4 Sự thấy (cũng là sự hiểu) của đức Như Lai

Đức Phật nói (1): *Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền thành bụi nhỏ thì thầy nghĩ sao? Bụi nhỏ như thế có nhiều không?*

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ.

Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, nó không phải là thế giới cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng. Cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng."

Tu Bồ Đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phạm phu mới bị vướng mắc vào đó mà

thôi.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ bảo Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, kẻ ấy có hiểu được ý ta không?

Thưa không, Thế Tôn. Kẻ ấy không hiểu được ý Như Lai. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

Đức Phật nói (2): Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt thịt không?

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt thịt."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt trời hay không?"

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt trời."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt tuệ không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt tuệ."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt pháp không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt pháp."

Phật hỏi: "Như Lai có mắt Phật không?"

Bạch Thế Tôn, có. Như Lai có mắt Phật.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có thấy là cát không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng gọi cát là cát vậy."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là một sông Hằng, thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều không?

Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết. Tại sao? Tu Bồ Đề, tại vì cái mà Như Lai gọi là các loại tâm ý đều không phải là các loại tâm ý, cho nên mới gọi là các loại tâm ý. Vì sao vậy? Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, mà tâm vị lai cũng không nắm bắt được"

Luận giải:

Để hiểu và nắm bắt được những điều cốt lõi của hai đoạn kinh trên, trước hết, hãy đặt vấn đề:

Hàng này vốn không phải là mua thì là gì ? Là hàng không mua

Hàng không mua nhưng vẫn có thì là gì ? Là ngoài hàng không mua (có rất nhiều cách để gọi – như: hàng nhất, hàng biểu, hàng thiếu, chịu v.v...)

Lập lại:

Hàng này vốn không phải là mua thì là gì ? Là hàng không mua.

Hàng không mua nhưng vẫn có thì là gì ? Là hàng – ngoài hàng không mua.

“Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến”.

“Kiến” ở đây là sự thấy.

Thực ra, vấn đề ở đây là: những điều đức Như Lai *thấy, hiểu* thì con người lại chưa *thấy, chưa hiểu*. Và, sự *thấy, sự hiểu* của đức Như Lai – là không thể “bút mực nào” tả nổi – đó là: sự *thấy, sự hiểu* vượt ngoài sự *thấy, sự hiểu*.

Cái mà “tam thiên, đại thiên” kia – nếu có nghiền ra thành bụi – thì sự nhiều ấy vẫn là trong *hữu hạn* – chưa phải là *sự nhiều* trong *vô hạn*. Trong *hữu hạn* thì đó là hợp tướng – cái hợp tướng của *hữu hạn* ấy đặt trong *vô hạn* thì không còn ý nghĩa gì là hợp tướng nữa – khi đó, cái mà “nhiều không kể xiết” của hợp tướng “siêu vĩ đại” trong *hữu hạn* kia, chỉ là “hạt bụi” trong cái *vô hạn*.

Sự *thấy, sự hiểu* của đức Như Lai đó là sự *thấy, sự hiểu* của bản chất – đối với con người – thì đó là việc tựa như “đọc” một bản đồ “gien” ánh sáng vi tế của một con người cụ thể nào đó vậy. Và, chỉ cần một “lệnh” mang tính “mặc định”, bản đồ “gien” ánh sáng vi tế ấy hiện ra ngay “trước mặt” của Người. .

Đây là thế giới của quyền năng *vô hạn*. Sự *vô hạn* là vượt cả ngưỡng tưởng tượng của *hữu hạn* – cho dù đó là sự tưởng tượng cực kỳ phong phú, cực kỳ đa dạng.

Vì vậy, nếu chưa *thấy, chưa hiểu* mà hoang mang, nghi ngờ, vội phủ định thì đó là điều thiệt thòi, mất mát – không gì so sánh được.

Phải nên nhớ rằng: triết lý của đức Như Lai – không thể nào *đoạn diệt* – vì suy cho cùng, đó là triết lý của *lẽ thật, của chân lý*. Chỉ và chỉ có *lẽ thật, chân lý* thì các Bồ Tát (vốn là những người có trí tuệ) mới lấy đó là hơi thở, là thức ăn, là nước uống cho mình – hẳn nhiên, một khi như thế thì sẽ không *đoạn diệt* bao giờ (đã đề cập).

“Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết”.

Nếu đúng là *Tâm ý thật* – thì đức Như Lai sao mà có thể *thấy* và *hiểu* được. Bởi, nếu là *Tâm ý thật* thì *tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai* đều *không nắm bắt được*.

Cái gọi là *Tâm ý* kia chỉ là khái niệm. Thứ *Tâm ý* mà đức Như Lai nhận diện – là thứ được gọi là “*Cấu trúc tâm linh phần tâm*” (xem phần “*Tâm & Tâm linh*”).

Vì vậy, “*mắt Phật*”, “*nhãn quang Phật*” hàm chứa cả *sự thấy* và *sự hiểu* của một trí tuệ vô tận, không cùng.

4.5 Thân tướng của đức Như Lai

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng. Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lường gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

Bạch không, cái mà Như Lai gọi là sắc thân đầy đủ thì không phải là sắc thân đầy đủ cho nên mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ không?

Thưa Thế Tôn, không. Không thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không?

Nhiều lắm, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Đức Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lên bài kệ này:

Tìm ta qua hình sắc

Câu ta qua âm thanh

Là kẻ hành tà đạo

Không thể thấy Như Lai.

Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế.

Luận giải:

Một Bồ Tát ngồi quán chiếu, đi tìm hình tướng của đức Như Lai, vậy tìm hình tướng nào ? Lúc Ngài tu khổ hạnh, chỉ còn bộ xương ư ? Hay là lúc Ngài ngồi dưới cội Bồ đề ? Hoặc giả, lấy hình tướng của bức tượng uy nghi trong chánh điện ?

Tất cả đều là *mộng huyễn, bào ảnh* (ảnh ảo).

Đến ngay Ngài Tu Bồ Đề cũng còn lúng túng khi đức Như Lai hỏi:

"Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng (tốt) không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Quả đây là một đoạn kinh lạ và thú vị.

Đức Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Vậy thì:

Đức Như Lai là không hình không tướng sao ?

"Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế".

Trước hết, hãy xem xét câu này:

“ Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo không đầy đủ ”.

Đặt vấn đề:

Cái không phải là tướng mạo đầy đủ là gì ? Là tướng mạo không đầy đủ.

Vậy cái tướng mạo không đầy đủ của cái tướng mạo không đầy đủ kia là gì ? Là không – không đầy đủ.

Không của không đầy đủ là gì ? Là đầy đủ.

Thực ra, khái niệm đầy đủ hay không đầy đủ là do mong muốn (Ngã) chủ quan của con người. Bởi vậy, Ma giả Phật thì nào có hay ?!

Đề nhận diện được đức Như Lai trong cõi trần gian này – phải vượt qua được ngưỡng của các khái niệm đầy đủ và không đầy đủ.

Có nghĩa, nhìn vào một cái cụ thể đầy đủ để thấy cái không đầy đủ. Nhận diện cái không đầy đủ ấy một cách đầy đủ – đó cũng là lúc “thấy” được đức Như Lai bên cạnh mình.

5. THỰC TƯỚNG KINH KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, trong tương lai, khi nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh được lòng tin chân thật hay không?"

Phật bảo: "Thầy đừng nói vậy. Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, vẫn sẽ có những người biết giữ giới và tu phước, và những người ấy khi nghe được những lời như trên cũng sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật hai vị Phật ba, bốn, năm vị Phật mà thật sự đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào chỉ trong một giây phút thôi, phát sinh được niềm tin thanh tịnh khi nghe những lời và những câu ấy, thì Như Lai tất nhiên BIẾT được người ấy, THẤY được người ấy và người ấy sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh, về Thọ Giả, về Pháp, về Không Phải Pháp, về Tướng và về Không Phải Tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm Pháp thì vẫn còn kẹt vào các tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả và nếu còn chấp vào ý niệm Không Phải Pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào Pháp mà cũng không nên chấp vào Không Phải Pháp. Vì vậy mà Như Lai đã mật ý nói: Đây các vị khát

sĩ, nên biết rằng Pháp tôi nói được ví như chiếc bè, Pháp còn nên bỏ, huống là Không Phải Pháp."

Còn nữa, thầy Tu Bồ Đề, mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các giới Thiên, Nhân và A Tu La đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Bụt. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Tu Bồ Đề ơi, thầy nên biết rằng, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tới thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó có mặt của bậc đạo sư, hoặc một vị đệ tử lớn của người."

Lúc ấy thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, nên đặt tên Kinh này là Kinh gì và chúng con nên phụng trì Kinh này như thế nào?"

Bụt bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nên gọi Kinh này là Kinh Kim Cương Có Năng Lực Chặt Đứt Phiền Não Và Đưa Sang Bờ Giải Thoát (Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh). Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì Kinh này. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là Bát Nhã Ba La Mật vốn không phải là Bát Nhã Ba La Mật cho nên mới thật sự là Bát Nhã Ba La Mật."

Nghe kinh này tới đây, thấm được nghĩa lý thâm sâu, thầy Tu Bồ Đề cảm động khóc rơi nước mắt. Thầy thưa: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là hiếm có, từ ngày theo Thế Tôn đạt được tuệ nhãn cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay. Thế Tôn, nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được cái thấy chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có vào bậc nhất. Thế Tôn, ngày nay con nghe được kinh điển mẫu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn sự có mặt của kẻ ấy là một sự hiếm có vào bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những kẻ ấy sẽ không bị không chế bởi khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Tại vì sao? Khái niệm về Ngã tức không phải là khái niệm, khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả cũng không phải là những khái niệm. Vì sao? Vì thoát khỏi sự không chế của các khái niệm cho nên có các vị Phật"

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Đúng thế, đúng thế. Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng, không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Nay thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Tu Bồ Đề, trong tương lai nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì người ấy sẽ được Như Lai nhìn thấy với con mắt trí tuệ của Người. Như Lai sẽ BIẾT người ấy, sẽ THẤY người ấy và người ấy sẽ thực hiện được công đức vô lượng vô biên.

Tu Bồ Đề, nói tóm lại thì kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết cũng không thể đo lường. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì kẻ ấy sẽ được Như Lai thấy tới, biết tới và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có đo lường, không thể so sánh. Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Tại sao? Tu Bồ Đề này, nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác. Tu Bồ Đề, bất cứ nơi nào có kinh này thì tất cả các giới Thiên, Nhân, A Tu La đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được gọi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương.

Này nữa thầy Tu Bồ Đề, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì người ấy sẽ tiêu trừ được các tội chướng trong các kiếp trước kể cả những tội chướng có thể đưa người kia rơi xuống các nẻo ác và sau đó sẽ thực hiện được quả vị chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Bụt Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Bụt. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận. Nếu vào thời Mật thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức của ta ngày trước. Dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu Bồ Đề, vào thời Mạt thế, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được lớn cho đến nỗi nếu ta nói ra thì sẽ có người hồ nghi, không tin và tâm có thể trở nên cuồng loạn. Tu Bồ Đề, nên biết: nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết và hoa trái của sự thọ trì kinh này cũng không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết."

Sau khi nghe Phật nói Kinh này, thượng tọa Tu Bồ Đề và các vị khất sĩ, nữ khất sĩ, Ưu bà tắc, Ưu bà di và tất cả các giới Trời, Người và A tu la đều rất hoan hỷ, tin tưởng và tiếp nhận để thực hành.

Luận giải:

Đến đây, mọi vấn đề cũng đã rõ.

Tất cả những đoạn kinh này chỉ nhằm xác định: vị trí, tầm quan trọng của kinh.

Chính vị trí, tầm quan trọng của kinh khiến cho những ai đọc, tụng, truyền bá kinh này đều có những phước đức rất lớn – điều đó là không thể nghĩ bàn – đức Phật đã nói: “*Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời*”.

Tại sao kinh này có một vị trí và tầm quan trọng đặc biệt như thế ?

Ngay từ đầu kinh đã giới thiệu: kinh này chủ yếu dành cho các vị Bồ Tát. Các vị Bồ Tát là những vị nhận trọng trách rất lớn, đó là kế thừa và phát triển sự nghiệp của đức Thế Tôn.

Cho nên, mặc dù: “*muôn pháp là một*”. Song, “*một, không phải là một – nên là muôn pháp*”.

Vị trí của kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là vị trí trọng yếu – nếu không muốn nói là trọng yếu vào bậc nhất.

*”Cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật
vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật
cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật”.*

Cái không phải là đệ nhất Ba La Mật là cái gì ?

Là cái ngoài đệ nhất Ba La Mật (có nghĩa là đệ nhị, đệ tam, đệ tứ
v.v...).

Thế nhưng tất cả chỉ có một – là duy nhất – đó là cái vô tiền khoáng
hậu (trước nó và sau nó sẽ mãi không bao giờ có cái thứ hai) – vì
vậy Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa chính là *”Cái mà Như Lai gọi
là đệ nhất Ba La Mật”* vậy.

Sau đây, xin giới thiệu nguyên bản bộ kinh – rất mong mọi người đọc,
tụng, hành trì và đừng quên chia sẻ, giới thiệu cho nhiều người cùng
biết.

Nam mô A Di Đà Phật !

*Mông một Tết Nhâm Thìn
(23/01/2012)
Phan Tùng Châu*

Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa

(*Bản tiếng Việt của thiền sư Thích Nhất Hạnh, thiền sư dịch tựa kinh này là: “Kinh Kim Cương Gươm báu Cắt Đứt Phiền Nã”*)

Kệ tán:

*Làm sao vượt sinh tử
Đạt được thân Kim Cương
Tu tập theo lối nào
Quét được muôn huyễn tướng
Xin Phật đem lòng thương
Mở bày kho bí tạng
Vì tất cả chúng con
Đem pháp màu diễn xướng!*

Đây là những điều tôi được nghe hồi đức Phật còn ở tại tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ, với đại chúng khát sĩ gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Hôm ấy vào giờ khất thực, đức Phật mặc áo và ôm bát đi vào thành Xá Vệ. Trong thành, Người theo phép tuần tự ghé từng nhà để khất thực. Khất thực xong, Người về lại tu viện thọ trai. Thọ trai xong, Người xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

Lúc ấy, từ chỗ ngồi của mình trong đại chúng, thượng tọa Tu Bồ Đề đứng dậy, trích vai áo bên phải ra, quỳ chân trái xuống, chắp tay cung kính bạch với đức Phật rằng: "Thế Tôn, Người thật là bậc hiếm có! Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Thế Tôn, những người con trai hiền và những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm mình?"

Đức Phật bảo: "Hay lắm, thầy Tu Bồ Đề! Thầy nói thật đúng, Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Nay, thầy hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ vì thầy mà trả lời. Những người con trai hiền hay những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải nương tựa và phải điều phục tâm của họ như thế này."

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, chúng con rất mong được nghe Người chỉ dạy."

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Các bậc Bồ Tát đại nhân nên hàng phục tâm mình như sau: Có cả thấy bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác, ta đều phải đưa tất cả các loài ấy vào Niết Bàn tuyệt đối để tất cả đều được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sanh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sanh nào được giải thoát. Vì sao? Nay Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát thực hiện phép bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí. Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bố thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ Tát bố thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Không gian về phía Đông có thể nghĩ và lường được không?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, không gian về phía Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được. Nay Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát nên trú tâm theo những lời chỉ dẫn vừa đưa ra.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lường gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai."

Thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, trong tương lai, khi nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh được lòng tin chân thật hay không?"

Phật bảo: "Thầy đừng nói vậy. Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, vẫn sẽ có những người biết giữ giới và tu phước, và những người ấy khi nghe được những lời như trên cũng sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật sự đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào chỉ trong một giây phút thôi, phát sinh được niềm tin thanh tịnh khi nghe những lời và những câu ấy, thì Như Lai tất nhiên BIẾT được người ấy, THẤY được người ấy và người ấy sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh, về Thọ Giả, về Pháp, về Không Phải Pháp, về Tướng và về Không Phải Tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm Pháp thì vẫn còn kẹt vào các tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả và nếu còn chấp vào ý niệm Không Phải Pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào Pháp mà cũng không nên chấp vào Không Phải Pháp. Vì vậy mà Như Lai đã mật ý nói: Nay các vị khát sĩ, nên biết rằng Pháp tôi nói được ví như chiếc bè, Pháp còn nên bỏ, huống là Không Phải Pháp."

Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đặc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Thầy Tu Bồ Đề thưa: "Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng

và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao? Vì tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người."

Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả thế giới tam thiên đại thiên này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì phước đức ấy trong tự thân chẳng phải là phước đức nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều."

Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn lớn hơn phước đức của người kia. Tại sao? Đây Tu Bồ Đề, tất cả các đức Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ kinh này. Đây Tu Bồ Đề, cái gọi là pháp Phật, đó chính là cái không phải pháp Phật

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tu Đà Hoàn có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Tu Đà Hoàn có nghĩa là đi vào dòng mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng"

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tư Đà Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tư Đà Hàm' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao? Tư Đà Hàm có nghĩa là một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại. Vì vậy cho nên gọi là Tư Đà Hàm."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A Na Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A Na Hàm' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? A Na Hàm có nghĩa là không trở lại. Mà thật ra làm gì có sự không trở lại? Vì vậy cho nên gọi là A Na Hàm."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A La Hán có thể nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A La Hán' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao? Thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán. Bạch Thế

Tôn, nếu một vị A La Hán nào khởi niệm rằng 'ta đã đắc quả A La Hán' thì vị đó còn chấp vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô Trách Tam Muội và trong Tăng Thân, con là vị A La Hán ly dục đệ nhất. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A La Hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Na."

Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề: "Thuở xưa lúc còn theo học với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì chăng?"

Bạch đức Thế Tôn, không. Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đặc pháp gì cả.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?

Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật Như thế đó, thầy Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát và đại nhân nên phát tâm thanh tịnh theo tinh thần ấy. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô trụ

Này thầy Tu Bồ Đề, ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thầy nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, lớn lắm. Vì sao? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn." Thầy Tu Bồ Đề, ví dụ trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy."

Này Tu Bồ Đề, bây giờ tôi muốn hỏi thật thầy rằng, nếu có người con trai hay người con gái nhà lành nào đem châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nếu người con trai hay người con gái nhà lành nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn

câu thơ và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Còn nữa, thầy Tu Bồ Đề, mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thơ, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các giới Thiên, Nhân và A Tu La đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Tu Bồ Đề ơi, thầy nên biết rằng, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tối thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó có mặt của bậc đạo sư, hoặc một vị đệ tử lớn của người."

Lúc ấy thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, nên đặt tên Kinh này là Kinh gì và chúng con nên phụng trì Kinh này như thế nào?"

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nên gọi Kinh này là Kinh Kim Cương Có Năng Lực Chặt Đứt Phiền Não Và Đưa Sang Bờ Giải Thoát (Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh). Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì Kinh này. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là Bát Nhã Ba La Mật vốn không phải là Bát Nhã Ba La Mật cho nên mới thật sự là Bát Nhã Ba La Mật."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói không?"

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có gì để nói cả."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không?

Nhiều lắm, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng.

Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố thí, và nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước.

Nghe kinh này tới đây, thấm được nghĩa lý thâm sâu, thầy Tu Bồ Đề cảm động khóc rơi nước mắt. Thầy thưa: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là hiếm có, từ ngày theo Thế Tôn đạt được tuệ nhãn cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay. Thế Tôn, nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được cái thấy chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có vào bậc nhất. Thế Tôn, ngày nay con nghe được kinh điển mầu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn sự có mặt của kẻ ấy là một sự hiếm có vào bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những kẻ ấy sẽ không bị khống chế bởi khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Tại vì sao? Khái niệm về Ngã tức không phải là khái niệm, khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả cũng không phải là những khái niệm. Vì sao? Vì thoát khỏi sự khống chế của các khái niệm cho nên có các vị Phật."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Đúng thế, đúng thế. Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng, không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Nay thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Tu Bồ Đề, cái gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tại sao? Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt vào khái niệm về Nhân, về

Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) mất rồi.

Lại nhớ đến thuở xưa khi ta còn tu tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không bị kẹt vào các khái niệm Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Vậy nên thầy Tu Bồ Đề ơi, Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ.

Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh. Tu Bồ Đề, Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời. Tu Bồ Đề, nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư.

Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ Tát không dựa vào pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được mọi hình và mọi sắc

Tu Bồ Đề, trong tương lai nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì người ấy sẽ được Như Lai nhìn thấy với con mắt trí tuệ của Người. Như Lai sẽ BIẾT người ấy, sẽ THẤY người ấy và người ấy sẽ thực hiện được công đức vô lượng vô biên.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào buổi sáng đem thân mạng mình ra nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng vậy, trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp, và nếu có một kẻ khác tuy không làm như thế, nhưng khi nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia. Nghe mà đem lòng tin còn có phước đức lớn như vậy, huống hồ là biên

chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe. Tu Bồ Đề, nói tóm lại thì kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết cũng không thể đo lường. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì kẻ ấy sẽ được Như Lai thấy tới, biết tới và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có đo lường, không thể so sánh. Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Tại sao? Tu Bồ Đề này, nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác. Tu Bồ Đề, bất cứ nơi nào có kinh này thì tất cả các giới Thiên, Nhân, A Tu La đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được gọi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương.

Này nữa thầy Tu Bồ Đề, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì người ấy sẽ tiêu trừ được các tội chướng trong các kiếp trước kể cả những tội chướng có thể đưa người kia rơi xuống các nẻo ác và sau đó sẽ thực hiện được quả vị chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận. Nếu vào thời Mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức của ta ngày trước. Dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu Bồ Đề, vào thời Mạt thế, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được lớn cho đến nỗi nếu ta nói ra thì sẽ có người hồ nghi, không tin và tâm có thể trở nên cuồng loạn. Tu Bồ Đề, nên biết: nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết và hoa trái của sự thọ trì kinh này cũng không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết."

Lúc ấy, thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật: "Thế Tôn, con xin phép được hỏi lại: người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào

muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên dựa vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?"

Phật bảo: "Thầy Tu Bồ Đề, người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nên phát tâm như thế này: ta phải đưa hết tất cả chúng sanh qua bờ giác ngộ rồi thì ta chẳng thấy có chúng sanh nào được giác ngộ cả. Vì sao thế? Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn vướng mắc vào các khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật. Tại sao như thế?"

Tu Bồ Đề, thật ra chẳng có pháp gì riêng biệt gọi là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác để mà phát ra cả. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác hay không?"

Bạch đức Thế Tôn, không. Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì không có pháp gì sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật dạy: "Đúng như thế, đúng như thế! Nay Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai có đắc. Nếu có thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: 'Sau này người sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.' Chính vì không có pháp có thể sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói với ta như thế. Vì sao? Như Lai có nghĩa là chân như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác thì người đó lầm: chẳng có pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể đắc. Tu Bồ Đề, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai đắc ấy, thật ra không phải thật cũng không phải hư. Cho nên Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp. Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề thưa: "Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao?

Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả. Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nghĩ 'ta phải trang nghiêm đất Phật' thì người đó chưa phải là Bồ Tát. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là trang nghiêm đất Phật vốn không phải là trang nghiêm cho nên mới gọi là trang nghiêm. Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt thịt không?

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt thịt."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt trời hay không?"

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt trời."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt tuệ không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt tuệ."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt pháp không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt pháp."

Phật hỏi: "Như Lai có mắt Phật không?"

Bạch Thế Tôn, có. Như Lai có mắt Phật.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có thấy là cát không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng gọi cát là cát vậy."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là một sông Hằng, thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều không?

Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết. Tại sao? Tu Bồ Đề, tại vì cái mà Như Lai gọi là các loại tâm ý đều không phải là các loại tâm ý, cho nên mới gọi là các loại tâm ý. Vì sao vậy? Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, mà tâm vị lai cũng không nắm bắt được"

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem châu báu nhiều cho đến nỗi phải chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên mà bố thí thì người đó có được nhiều phước đức hay không?"

Bạch Thế Tôn, được phước đức rất nhiều.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức. Chính vì phước đức ấy vốn không có thực thể cho nên Như Lai mới nói người ấy đạt được phước đức nhiều.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

Bạch không, cái mà Như Lai gọi là sắc thân đầy đủ thì không phải là sắc thân đầy đủ cho nên mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ không?

Thưa Thế Tôn, không. Không thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy đừng bảo rằng Như Lai có ý niệm: ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Vì sao? Nếu có người nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói tức là người đó phỉ báng Phật vì lẽ người đó không hiểu điều ta nói. Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp

Lúc đó huệ mạng Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: "Thế Tôn, đời sau khi được nghe pháp này chúng sanh có thể phát sanh lòng tin hay không?"

Phật dạy: "Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế? Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai gọi là không phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh."

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật đặc có phải là cái vô sở đắc?"

Phật nói: "Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là vô thượng chánh đẳng chánh giác."

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp.

Tu Bồ Đề, giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đồng cao như tất cả các núi Tu Di trong thế giới tam thiên đại thiên này để mà bố thí thì công đức của những người ấy đem so với công đức của những người đọc, tụng và thọ trì Kinh Kim Cương Năng Đoạn này rồi đem ra giảng nói cho người khác nghe thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một. Phước đức của người hành trì kinh, dù chỉ là hành trì một bài kệ bốn câu, cũng không thể nào dùng ví dụ hay toán học để mà diễn tả nổi.

Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm 'ta sẽ độ chúng sanh'. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh và khái niệm Thọ Giả rồi. Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã mà người phàm phụ lại cho là có ngã. Này Tu Bồ Đề, kẻ phàm phụ đó, Như Lai không cho đó là phàm phụ cho nên mới gọi họ là phàm phụ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lên bài kệ này:

**Tìm ta qua hình sắc
Cầu ta qua âm thanh**

**Là kẻ hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.**

Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ là khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ta phải coi các pháp là hư vô, đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế. Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không chủ trương rằng các pháp là hư vô hay đoạn diệt.

Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nổi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát không cần phải tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao?"

Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói: 'Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm' kẻ ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.

Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền thành bụi nhỏ thì thầy nghĩ sao? Bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ.

Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, nó không phải là thế giới cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng. Cái mà Như

Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng."

Tu Bồ Đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phàm phu mới bị vướng mắc vào đó mà thôi.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ bảo Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, kẻ ấy có hiểu được ý ta không?

Thưa không, Thế Tôn. Kẻ ấy không hiểu được ý Như Lai. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

Tu Bồ Đề! Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác phải biết như thế về tất cả các pháp, phải thấy như thế về tất cả các pháp, phải tin hiểu như thế về tất cả các pháp mà không nên có khái niệm về pháp. Tu Bồ Đề! Cái gọi là khái niệm về pháp Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.

Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ châu báu số lượng lớn đến nỗi chứa đầy các thế giới nhiều tới vô lượng a tăng kỳ để bố thí thì phước đức cũng không bằng phước đức của một người con trai hay một người con gái nhà lành khi người này phát tâm bồ đề, đọc tụng thọ trì kinh này và đem giải thuyết cho người khác nghe, dù chỉ là một bài kệ bốn câu trong ấy. Giải thuyết theo tinh thần nào? Giải thuyết mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển. Vì sao thế?

**Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bào ảnh
Như sương như chớp loè
Hãy quán chiếu như thế.**

Sau khi nghe Phật nói Kinh này, thượng tọa Tu Bồ Đề và các vị khát sĩ, nữ khát sĩ, Ưu bà tắc, Ưu bà di và tất cả các giới Trời,

Người và A tu la đều rất hoan hỷ, tin tưởng và tiếp nhận để thực hành.

Hết